

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
Chương trình đào tạo nghề: Điện công nghiệp
Trình độ: Cao đẳng
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng
Năm 2020

Danh sách thành viên Đoàn đánh giá ngoài

STT	Họ và tên	Chức vụ - Đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Đoàn đánh giá ngoài	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách	Chữ ký
1	ThS. Trần Thị Thạch	GD TTĐTLX Trường CĐCN Quảng Nam	Trưởng đoàn	Tiêu chí 3, 5	
2	ThS. Nguyễn Việt Hải	Phó trưởng khoa, (Phụ trách) khoa Điện - Điện tử Trường CĐN Phú Thọ	Thư ký	Tiêu chí 2, 7 và Báo cáo tổng hợp	
3	ThS. Vũ Văn Minh	Trưởng phòng CTHSSV, Trường CĐ Cơ điện & XD Bắc Ninh	Thành viên	Tiêu chí 1, 4, 6	

THÔNG TIN VỀ CHUYÊN MÔN CỦA KIỂM ĐỊNH VIÊN

Ngành, nghề đào tạo	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Họ và tên Kiểm định viên hoặc chuyên gia có chuyên môn phù hợp	Chuyên ngành đào tạo của Kiểm định viên hoặc chuyên gia	Kinh nghiệm làm việc liên quan đến ngành, nghề được đánh giá ngoài (năm)
<i>Điện công nghiệp (6520227)</i>	<i>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (65202)</i>	ThS. Trần Thị Thạch	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	20
		ThS. Nguyễn Việt Hải	KS. Điện nông nghiệp + ThS. Tự động hóa	15
		ThS. Vũ Văn Minh	Cử nhân Sư phạm Kỹ thuật điện + ThS. Sư phạm Kỹ thuật điện	18

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
Phần I. TỔNG QUAN	5
1. Giới thiệu về Đoàn đánh giá ngoài	5
2. Tóm tắt nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài về báo cáo tự đánh giá	5
Phần II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG	6
1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng	6
2. Đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng	14
Tiêu chí 1: Mục tiêu quản lý và tài chính	14
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	18
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	30
Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	40
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	52
Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	61
Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	67
PHẦN III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	75
1. Điểm mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	75
2. Điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	75
3. Đề xuất, kiến nghị:	76
- Đề xuất, kiến nghị với cơ sở giáo dục nghề nghiệp/cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp	
- Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan khác	
PHỤ LỤC	
Phụ lục 1: Kết quả kiểm tra minh chứng sử dụng trong Báo cáo tự đánh giá và minh chứng bổ sung	79
Phụ lục 2: Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	103
Phụ lục 3: Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài	104

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1.	CBGV	Cán bộ, giảng viên
2.	CBQL	Cán bộ quản lý
3.	CD	Cao đẳng
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CNV	Công nhân viên
6.	CTĐT	Chương trình đào tạo
7.	DN	Doanh nghiệp
8.	ĐCN	Điện công nghiệp
9.	ĐH	Đại học
10.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
11.	GV	Giảng viên
12.	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
13.	HSSV	Học sinh, Sinh viên
14.	HTQT	Hợp tác quốc tế
15.	KTX	Ký túc xá
16.	KTXH	Kinh tế xã hội
17.	LĐTBOXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
18.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
19.	QLKH	Quản lý khoa học
20.	QL	Quản lý
21.	SV	Sinh viên
22.	TH	Thực hành
23.	THPT	Trung học phổ thông

NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phần I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Đoàn đánh giá ngoài

Thực hiện theo Quyết định số 107/QĐ - KĐGDVN ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC, Trưởng đoàn của Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo đã phân công nhiệm vụ phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn cho các thành viên trong đoàn.

Căn cứ vào tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công, các thành viên trong Đoàn nghiên cứu báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và viết báo cáo kết quả nghiên cứu báo cáo tự đánh giá gửi thư ký tổng hợp, Trưởng đoàn thông qua, gửi Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam.

Xây dựng kế hoạch khảo sát chính thức gửi Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam, các thành viên trong Đoàn để chuẩn bị cho đợt khảo sát chính thức.

Thực hiện chọn mẫu đối với các đối tượng chọn mẫu theo quy định, thông báo đến Trường các đối tượng chọn mẫu để Trường chuẩn bị.

Ngay trước ngày khảo sát chính thức 26/12/2020, tại Khách sạn Hương Sen, địa chỉ số 16 Minh Khai, Phường Hồng Bàng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Trưởng Đoàn tổ chức họp Đoàn để thông báo, triển khai các nội dung chuẩn bị cho công tác khảo sát chính thức cũng như nhắc nhở, đề ra các yêu cầu cho cả Đoàn thực hiện.

2. Tóm tắt nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài về báo cáo tự đánh giá

Báo cáo kết quả tự đánh giá được làm theo mẫu quy định của Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam.

Báo cáo tự đánh giá đã mô tả được hoạt động đào tạo của Nhà trường, thể hiện được mặt mạnh, điểm tồn tại mà Trường đang có. Tuy nhiên, Báo cáo vẫn còn có tiêu chuẩn mô tả chưa đúng với nội hàm; có những nhận định đưa ra nhưng thiếu minh chứng để chứng minh hoặc minh chứng chưa phù hợp.

Báo cáo không có lỗi số học, điểm đánh giá tại biểu này khớp với điểm tự đánh giá tại báo cáo tiêu chuẩn trong Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Phần II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn</i>	<i>Đạt tiêu chuẩn</i>	
	<u>Tổng điểm</u>	100	<i>96 Điểm</i>	<i>90 Điểm</i>	
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	<i>6 Điểm</i>	<i>6 Điểm</i>	100%
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	<i>2 điểm</i>	<i>2 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	<i>2 điểm</i>	<i>2 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo	2	<i>2 điểm</i>	<i>2 điểm</i>	
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	<i>12 Điểm</i>	<i>12 Điểm</i>	85,7%
	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	<i>2 điểm</i>	<i>2 điểm</i>	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0 điểm	2 điểm	
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16 Điểm	14 Điểm	87,5%

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2 điểm	2 điểm	
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	24 Điểm	20 Điểm	83,3%
	Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong	2	2 điểm	2 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.				
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm	2	2 điểm	2 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.				
	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2 điểm	0 điểm	
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16 Điểm	16 Điểm	100%
	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2 điểm	2 điểm	
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8 Điểm	8 Điểm	100%
	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao	2	2 điểm	2 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.				
	Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2 điểm	2 điểm	
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	14 Điểm	14 Điểm	87,5%
	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2 điểm	2 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên điểm chuẩn)
	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	0 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2 điểm	2 điểm	
	Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2 điểm	2 điểm	

2. Đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 1	6 (Sáu) Điểm	6 (Sáu) Điểm
<i>Tiêu chuẩn 1.1</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.2</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.3</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100 %	100 %

2. Các điểm mạnh:

Mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu của Trường và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; có đủ các nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

3. Điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo: Không có.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN: Không có.

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu của Trường được nêu rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng (BS 1.1.01 - Quyết định số 132/QĐ - CDCN ngày 03/4/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng); cụ thể: Mục tiêu của Trường là “Phấn đấu xây dựng Trường Công nghiệp Hải Phòng thành trường trọng điểm chất lượng cao. Đào tạo lao động kỹ thuật công nghiệp đạt trình độ quốc tế, khu vực và quốc gia, có đủ kiến thức và kỹ năng để hoàn thành nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”.

Qua nghiên cứu minh chứng Quyết định phê duyệt Dự án “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản về đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề các lĩnh vực Điện, Điện tử, Cơ khí tại Quyết định số 1594/QĐ - UBND ngày 08/7/2019 (BS 1.1.02 - Quyết định phê duyệt Dự án “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp”) cho thấy, UBND thành phố Hải Phòng cũng đã khẳng định sự cần thiết tăng cường năng lực đào tạo nghề các lĩnh vực Điện, Điện tử và Cơ khí phục vụ CNH, HĐH cho Thành phố. Tại Quyết định số 1640/QĐ - UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Quy

hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020 và Quyết định số 1225/QĐ - UBND, ngày 01/7/2013 của UBND thành phố về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 cũng đã khẳng định: “Phát triển nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, ..., từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế; sử dụng nhân lực có hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng và cả nước, một trong những trung tâm đào tạo và cung cấp nhân lực chất lượng cao cho vùng duyên hải Bắc Bộ và cả nước. ... chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ các lĩnh vực như Công nghiệp tàu thủy, Cơ khí chính xác, Điện - Điện tử,...”. Như vậy, mục tiêu của Trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội địa phương và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố.

Trên cơ sở mục tiêu của Trường, mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng cũng nêu rõ: “Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề điện trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (1.1.09 - Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng). Mục tiêu chương trình đào tạo hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Trường và đã được Bộ LĐ - TB&XH quyết định phê duyệt nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Trường là nghề trọng điểm quốc tế tại Quyết định số 1836/QĐ - LĐTBXH.

Bên cạnh đó, qua nghiên cứu Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp năm 2017, 2018 và 2019 cho thấy, nhu cầu lao động nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng khá lớn, cụ thể:

Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
Số DN được khảo sát	Nhu cầu lao động nghề Điện	Số DN được khảo sát	Nhu cầu lao động nghề Điện	Số DN được khảo sát	Nhu cầu lao động nghề Điện
12	359	13	186	12	194

(BS 1.1.03 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp về nhu cầu lao động và Báo cáo kết quả khảo sát).

Mục tiêu chương trình đào tạo cũng được Trường rà soát điều chỉnh, cụ thể: vào năm 2017, chương trình đào tạo được xây dựng, biên soạn; năm 2019, chương trình được rà soát điều chỉnh (1.1.10 - các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các bộ chương trình kèm theo). Qua rà soát nội dung chương trình đào tạo cho thấy, chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được điều chỉnh năm 2019 bổ sung 02 mô-đun

mới là: Hệ thống sản xuất (120 giờ) và Thực tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (240 giờ); với mục tiêu nâng cao kiến thức, kỹ năng về thực tế sản xuất tại doanh nghiệp cho HSSV tốt nghiệp.

Mục tiêu chương trình đào tạo cũng được Trường công bố công khai trên trang web của Trường tại địa chỉ <http://www.hplic.edu.vn/> và Facebook của Trường địa chỉ <https://www.facebook.com/caodangcongnghiephaiphong/>.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các minh chứng cho thấy: chức năng, nhiệm vụ của khoa Điện được quy định rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (BS 1.1.01 - Quyết định số 132/QĐ - CDCN ngày 03/4/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng; BS 1.2.02 - Quyết định thành lập khoa Điện); nhiệm vụ của Khoa được quy định tại Điều 14 của Quy chế này. Bên cạnh đó, nhiệm vụ của các đơn vị liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo như Phòng Đào tạo, phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tài vụ, phòng Công tác - HSSV, phòng Quản trị - Đời sống, Trung tâm đào tạo dịch vụ và xúc tiến việc làm cũng được quy định chi tiết trong Quy chế này.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao Khoa và các đơn vị liên quan đã thực hiện tốt nhiệm vụ; hàng năm đều được Trường đánh giá các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (BS 1.2.03 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Trong 03 năm qua, Khoa đã có những thành tích nổi bật như: có 04 giáo viên đạt giải giáo viên dạy giỏi cấp Trường, 06 giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, làm 02 thiết bị dạy nghề ứng dụng vào giảng dạy; 100% cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến trở lên; tập thể Khoa 03 năm liền được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ; trước đó, Khoa có 01 nhà giáo đạt giải nhì giáo viên giỏi toàn quốc (1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Điện; 1.2.05 - Quyết định CDCNHP về việc phê duyệt thiết bị dạy nghề tự làm; 1.2.09 - Bằng khen nhà giáo đạt giải tại các hội giảng Nhà giáo GDNN cấp thành phố và cấp quốc gia; BS 1.2.04 - Các Quyết định công nhận danh hiệu giáo viên giỏi

cấp trường; BS 1.2.05 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các minh chứng và phỏng vấn bà Hoàng Anh (phụ trách phòng Tài vụ) cho biết, Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng là đơn vị tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên, thu học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ - CP ngày 02/10/2015. Mức thu học phí của Trường hiện nay vẫn chưa đảm bảo được cơ cấu giá dịch vụ của công tác đào tạo, vì vậy hàng năm Trường dựa vào kế hoạch nguồn thu của đơn vị và nguồn ngân sách cấp trên chi cho các chi tiêu biên chế lao động để cân đối theo tỷ lệ các định mức chi thường xuyên của đơn vị như: chi lương và các khoản theo lương; chi các khoản theo lương là 50%, chi công tác chuyên môn đào tạo là 15%, chi phôi liệu 15%, chi hoạt động quản lý và chi phí văn phòng là 5%, chi sửa chữa mua sắm, bảo trì bảo dưỡng thiết bị 10%, chi nộp thuế, chi khác và chi phí dự phòng 5%. Tỷ lệ này vừa đảm bảo chất lượng đào tạo cho người học vừa đảm bảo cân đối được nguồn thu của đơn vị. Các định mức này đã được thông qua hội nghị cán bộ viên chức và đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm để thực hiện. Minh chứng cho những nội dung trình bày trên là Quy định mức thu học phí, Quy chế chi tiêu nội bộ, Kế hoạch tài chính hàng năm (1.3.01 - Quyết định về việc quy định mức thu học phí; 1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ; 1.3.05 - Kế hoạch tài chính hàng năm).

Nguồn thu chi của Trường được hoạch toán chung cho tất cả các nghề đào tạo, chưa hoạch toán riêng cho từng nghề, nhưng qua nghiên cứu báo cáo quyết toán hàng năm của Trường, tổng hợp các số liệu thu chi trong 03 năm cho thấy, bình quân mức chi tối thiểu trên từng HSSV là 19.000.000đ/HSSV; trong đó, vật tư, phôi liệu phục vụ đào tạo chiếm khoảng 15% (BS 1.3.01 - Báo cáo Quyết toán hàng năm; 1.3.04 - Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị, công cụ, dụng cụ hàng năm). Vậy Trường có đủ nguồn thu hợp pháp đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

TIÊU CHÍ 2 – HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 2	12 (Mười hai) Điểm	12 (Mười hai) Điểm
<i>Tiêu chuẩn 2.1</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.2</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.3</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.4</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.5</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.6</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.7</i>	<i>0 (Không) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	85,7%	85,7%

2. Các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định, thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, tuyển sinh các năm đạt từ 80% trở lên chỉ tiêu được giao.

- Kế hoạch, tiến độ đào tạo được phê duyệt và thực hiện theo từng học kỳ, năm học, chi tiết đến từng môn học/mô-đun, giờ học lý thuyết, thực hành phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.

- Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù ngành nghề đào tạo, môn học, phương thức, hình thức và mục tiêu đào tạo đảm bảo tính khoa học.

- Nhà trường có phần mềm Quản lý đào tạo nhằm nâng cao công tác quản lý đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo thực sự khoa học, kiểm soát tốt tiến độ thực hiện giảng dạy trong từng học kỳ, năm học và khóa học.

3. Các điểm cần cải thiện:

Trước khi sinh viên tốt nghiệp, Nhà trường cần cho 100% sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng:

Nhà trường cần liên kết, phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp để đảm bảo 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp phép đào tạo ở 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp (BS 2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 414/2017/GCNDKHD - TCDN ngày 28/12/2017).

Hàng năm, Nhà trường có văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng, xây dựng kế hoạch thực hiện tuyển sinh (2.1.02 - Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017, 2018, 2019, 2020).

Năm 2017, Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo Thông tư số 05/2017/TT - BLĐT BXH ngày 02/3/2017 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Quy chế tuyển sinh bao gồm 04 chương, 12 điều, trong đó quy định rõ ngành, nghề đào tạo; thời gian, đối tượng, hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên tuyển sinh; các điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào. Năm 2019, Nhà trường ban hành lại Quy chế tuyển sinh có bổ sung các nội dung theo Thông tư 07/2019/TT - BLĐT BXH ngày 07/3/2019 của Bộ LĐTB&XH về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT - BLĐT BXH ngày 02/3/2017. Trường đã tiến hành rà soát, cập nhật những quy định bổ sung về công tác tuyển sinh để thực hiện theo quy định. Cấu trúc Quy chế tuyển sinh bao gồm 04 chương, 12 điều (2.1.01 - Quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng năm 2017, 2019).

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh (2.1.04 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020). Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch tuyển sinh gồm: nội dung tuyên truyền, quảng bá, hình thức tuyển sinh, thời gian, địa điểm tuyển sinh cụ thể (BS 2.1.02 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020). Nhà trường đã có thông báo tuyển sinh đăng trên website của trường, được gửi tới các trường THPT, THCS trong và ngoài thành phố Hải Phòng (2.1.03 - Thông báo tuyển sinh của trường năm 2018, 2019, 2020). Sau khi học sinh nộp hồ sơ đăng ký học, Hội đồng tuyển sinh duyệt danh sách trúng tuyển và niêm yết công khai tại bảng tin của trường (2.1.05 - Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.03 - Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; 2.1.06 - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020). Nhà trường tổ chức nhập học và có quyết định mở lớp theo từng năm học (2.1.07 - Danh sách học sinh nhập học và quyết định mở lớp năm 2018, 2019, 2020).

Hàng năm, trường có báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh nhằm đánh giá kết quả thực hiện (BS 2.1.04 - Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020).

Kết quả tuyển sinh của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng các năm 2018, 2019, 2020 đều đạt từ 80% trở lên chỉ tiêu theo kế hoạch của Nhà trường. Cụ thể:

Năm	Chỉ tiêu trường đăng ký	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ % đạt được
2017	70	87	124,3%
2018	70	65	92,8%
2019	70	66	94,3%
2020	70	56	80%

Hàng năm, Nhà trường thực hiện kiểm tra công tác tuyển sinh, kết quả kiểm tra cho thấy: công tác tuyển sinh của trường được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan, không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh trong các năm 2018, 2019, 2020 (BS 2.1.05 - Quyết định thành lập tổ kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.06 - Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến 40 nhà giáo, 11 CBQL về thực hiện công tác tuyển sinh. Kết quả cho thấy: có từ 95% trở lên CBQL, giáo viên đánh giá công tác tuyển sinh thực hiện tốt, đúng quy định, phù hợp với nhu cầu đào tạo của thị trường lao động, năng lực đào tạo của nhà trường và nhu cầu của người học (BS 2.1.07 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.08 - Bộ phiếu khảo sát 2018, 2019, 2020; BS 2.1.09 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020).

Phòng vấn trường phòng Đào tạo, Đoàn thầy: Công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo quy định. Kết quả tuyển sinh hàng năm nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của Nhà trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun/tín chỉ. Quy chế này có 38 điều, được xây dựng đảm bảo theo Thông tư số 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội, trong đó có quy định về việc kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp (2.5.01 - Quyết định số 307/QĐ - CDCNHP, ngày 13/7/2017 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp). Năm 2019, Nhà trường có hướng dẫn thực hiện quy định về hồ sơ sổ sách trong đào tạo theo Thông tư số 23/2018/TT - BLĐT BXH ngày 06/12/2018 quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (BS 2.2.01 - Hướng dẫn số 405/HD - CDCNHP, ngày 08/10/2019 về việc

hướng dẫn thực hiện quy định về hồ sơ sổ sách trong đào tạo theo Thông tư số 23/2018/TT - BLĐTBXH).

Căn cứ chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành (4.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*). Phòng Đào tạo xây dựng tiến độ đào tạo, kế hoạch giờ giảng theo từng học kỳ, khoa Điện phân công giáo viên giảng dạy và xây dựng lịch giảng dạy chi tiết đến từng môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo. Giáo viên giảng dạy có đầy đủ hồ sơ sổ sách theo quy định, đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đào tạo đã phê duyệt (2.2.01 - *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 2.2.02 - *Kế hoạch nhà giáo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 2.2.03 - *Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; BS 2.2.02 - *Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*).

Nhà trường giao cho Ban thanh tra thực hiện công tác kiểm tra hoạt động đào tạo (BS 2.2.03 - *Quyết định thành lập và quy định hoạt động của Ban thanh tra đào tạo*). Đầu năm học, Nhà trường có kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo, trong đó có nội dung thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh, thanh tra, kiểm tra thi kết thúc các MH/MĐ, thi tốt nghiệp (BS 2.2.04 - *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; BS 2.2.05 - *Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*; BS 2.2.06 - *Biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách giáo viên năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*; BS 2.2.07 - *Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020*).

Trên cơ sở phân tích trên, Đoàn nhận định: Nhà trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện phương pháp đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun phù hợp với nội dung chương trình đào tạo đã ban hành (2.2.01 - *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 2.2.02 - *Kế hoạch*

nhà giáo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; BS 2.2.02 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021).

Nội dung các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được xây dựng dưới dạng tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành. Trong hoạt động dạy và học, Khoa Điện đã chú trọng đổi mới các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của sinh viên như: Lấy người học làm trung tâm không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học qua các hoạt động học theo nhóm, dạy tích hợp, sử dụng các phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, giao bài tập thực hành làm sản phẩm, hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp ... (2.2.03 - *Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; 2.2.04 - Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo từ năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; BS 2.3.01 - Báo cáo thanh kiểm tra công tác đào tạo từ năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021).*

Qua khảo sát, Đoàn thấy: các phòng học chuyên môn của Khoa Điện đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính phục vụ giảng dạy. Dự giờ, kiểm tra hồ sơ giảng dạy của cô giáo Lê Thị Chiên giảng tích hợp mô-đun Trang bị điện 2, lớp CĐĐ12A và cô giáo Phạm Thị Thanh giảng thực hành mô-đun Máy điện 1, lớp CĐĐ13B, Đoàn thấy: giáo viên sử dụng máy chiếu để giảng bài, giáo án có thể hiện nội dung kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của HSSV, tổ chức làm việc theo nhóm.

Kiểm tra minh chứng, Đoàn thấy: có 30/30 môn học, mô-đun chuyên môn (đạt 100%) trong chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (trừ các môn chung và thực tập tốt nghiệp) được giáo viên sử dụng các phần mềm chuyên dụng, sử dụng các phần mềm để hỗ trợ soạn bài giảng điện tử phục vụ cho hoạt động dạy và học, như:

- Môn học Điện tử cơ bản sử dụng phần mềm mô phỏng mạch điện Proteus, PowerPoint;

- Mô-đun PLC cơ bản, PLC nâng cao sử dụng phần mềm WinCC, PowerPoint, Media Player;

- Mô-đun Máy điện sử dụng phần mềm mô phỏng máy điện LVSIM - EMS, PowerPoint, Media Player;

- Mô-đun Trang bị điện sử dụng phần Cade - Simu 3.0, WSCAD, PowerPoint, Media Player;

- Mô-đun Điều khiển điện khí nén sử dụng phần mềm mô phỏng thủy lực khí nén Festo Fluidsim, PowerPoint, Media Player;

.....

(BS 2.3.02 - Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; BS 2.3.03 - Danh mục thiết bị, phương tiện dạy và học tại các phòng học chuyên môn; BS 2.3.04 - Thống kê các môn học/mô-đun chuyên môn sử dụng phần mềm chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học kèm hình ảnh; BS 2.3.05 - Văn bản số 572/CV - CĐCNHP ngày 22/12/2017 về việc Hướng dẫn áp dụng ứng dụng phần mềm Công nghệ thông tin vào dạy tích hợp và thực hành).

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo EDUMAN để thực hiện triển khai công tác đào tạo, quản lý điểm của HSSV. Giáo viên, HSSV có tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, lịch học, lịch thi, kết quả thi, kiểm tra, ... (2.3.03 - Hợp đồng mua phần mềm EDUMAN kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; BS 2.3.06 - Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm EDUMAN).

Năm 2018, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến 87 sinh viên, 40 nhà giáo, 11 CBQL; Năm 2019, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến 65 sinh viên, 40 nhà giáo, 11 CBQL; Năm 2020, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến 64 sinh viên, 40 nhà giáo, 11 CBQL về chất lượng đào tạo của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng. Kết quả cho thấy:

- Đối với nội dung: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn. Có từ 95,4% trở lên CBQL, giáo viên và sinh viên đánh giá thực hiện tốt.

- Đối với nội dung: Phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; Có từ 96,9% trở lên CBQL, giáo viên và sinh viên đánh giá thực hiện tốt.

- Đối với nội dung: Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Có từ 98,4% trở lên CBQL, giáo viên và sinh viên đánh giá thực hiện tốt

(BS 2.1.07 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.08 - Bộ phiếu khảo sát 2018, 2019, 2020; BS 2.1.09 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020).

Phòng vấn HSSV, nhà giáo, Đoàn thầy: Nhà trường có phân quyền cho giáo viên, HSSV để thực hiện truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra, ... Trong thời gian qua, phần mềm sử dụng tốt, không bị lỗi. Giáo viên thường xuyên sử dụng máy chiếu để giảng bài, học sinh được học các phần mềm chuyên ngành trên máy tính.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua kiểm tra minh chứng, Đoàn thấy: Năm 2018, Nhà trường có thỏa thuận, hợp đồng với Công ty TNHH công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam về việc trải nghiệm công việc thực tế của sinh viên. Nhà trường có kế hoạch, có Quyết định cử 70 sinh viên của 2 lớp cao đẳng điện công nghiệp CDD10A và CDD10B đi tham gia hoạt động trải nghiệm, quyết định cử 2 giảng viên Phạm Minh Tuấn và Nguyễn Khắc Thành tham gia quản lý sinh viên, giáo viên có báo cáo kết quả hướng dẫn sinh viên (2.4.01 - *Thỏa thuận số 112018.03 với Công ty TNHH công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam về việc cho sinh viên tham gia trải nghiệm tại doanh nghiệp*; 2.4.02 - *Kế hoạch tổ chức cho sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp*; 2.4.03 - *Quyết định số 345/QĐ - CĐCN ngày 13/8/2018 về việc cử giảng viên tham gia quản lý sinh viên trải nghiệm + Quyết định số 3465/QĐ - CĐCN ngày 13/8/2018 về việc cử sinh viên lớp CDD10A và CDD10B tham gia hoạt động trải nghiệm*; BS 2.4.01 - *Báo cáo kết quả hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên Phạm Minh Tuấn và Nguyễn Khắc Thành*). Năm 2019 và năm 2020 không có minh chứng thể hiện cho sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp.

Phòng vấn thầy giáo Trần Văn Quỳnh - Trưởng khoa Điện, cho biết: Năm 2019, khoa chưa phối hợp được với doanh nghiệp để đưa sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp. Năm 2020, khoa đã liên hệ được với doanh nghiệp Samsung Thái Nguyên, tuy nhiên do dịch Covid - 19 nên chưa thực hiện đưa sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp được. Nhà trường cho sinh viên thực tập tại xưởng trường.

Như vậy, Nhà trường đã có sự phối hợp với doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho sinh viên thực tập tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, không đảm bảo 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ đảm bảo theo quy định của TT 09/2017/TT -

BLĐTBXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư 10/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

Nhà trường có Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun/tín chỉ. Quy chế này có 38 điều, trong đó có quy định về đánh giá kết quả học tập, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được xây dựng đảm bảo theo quy định của TT 09/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13/3/2017. Quy chế học sinh, sinh viên để đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên (2.5.01 - *Quyết định số 307/QĐ - CDCNHP, ngày 13/7/2017 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*; 2.5.02 - *Quy chế công tác HSSV của trường*). Nhà trường có Quy định về việc ban hành Quy trình quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ được xây dựng đảm bảo theo Thông tư số 10/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng (2.5.03 - *Quyết định ban hành Quy trình quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ năm 2017 + Quyết định ban hành Quy trình quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ sửa đổi, bổ sung năm 2019*).

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo hằng năm, Phòng Đào tạo xây dựng lịch học hằng tháng, kế hoạch và tổ chức thi kết thúc môn học/mô-đun cho các lớp hằng tháng đảm bảo khách quan, minh bạch đúng quy chế (BS 2.5.01 - *Kế hoạch thi, bài thi, phiếu chấm năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*).

Công tác đánh giá kết quả học tập, rèn luyện được phòng Công tác học sinh, sinh viên tổng hợp từ giáo viên chủ nhiệm các lớp nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng. Nhà trường tổ chức họp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, sau đó có thông báo kết quả tới cho các khoa và dán tại bảng tin cho sinh viên được biết kết quả học tập, rèn luyện của mình theo năm học (BS 2.5.02 - *Biên bản xét kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*; BS 2.5.03 - *Thông báo công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*).

Nhà trường thành lập các Hội đồng thi, xét tốt nghiệp, có Kế hoạch thi tốt nghiệp, trong đó triển khai cụ thể các hoạt động về xét điều kiện tốt nghiệp, tổ chức thi, chấm thi, công bố điểm thi tốt nghiệp hằng năm (BS 2.5.04 - *Kế hoạch thi tốt nghiệp năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*; BS 2.5.05 - *Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp các năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*; BS 2.5.06 - *Biên bản họp hội đồng xét điều kiện thi và công nhận tốt nghiệp năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*; BS 2.5.07 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách sinh viên tốt nghiệp năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020*).

Sau khi xét công nhận tốt nghiệp, nhà trường thực hiện in bằng tốt nghiệp và thông báo cho sinh viên nhận bằng tốt nghiệp tại phòng Đào tạo, sinh viên nhận bằng ký nhận trong sổ cấp phát bằng của nhà trường theo đúng quy định (BS 2.5.08 - *Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ năm 2018, 2019, 2020*). Hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo Sở Lao

động - Thương binh và Xã hội về việc cấp phát, quản lý phôi bằng, chứng chỉ (BS 2.5.09 - Báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cấp phát, quản lý phôi bằng, chứng chỉ).

Ban thanh tra của trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng, chứng chỉ đảm bảo hoạt động này thực hiện nghiêm túc, khách quan, đúng quy chế (BS 2.2.05 - Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS 2.2.07 - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS 2.5.10 - Biên bản kiểm tra công tác cấp phát bằng, chứng chỉ năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020).

Kiểm tra hồ sơ đối với 15 sinh viên đã tốt nghiệp năm 2019 trong danh sách chọn mẫu, Đoàn thầy: 100% sinh viên có hồ sơ đầy đủ, đúng theo quy định (2.5.05 - Hồ sơ học nghề của sinh viên Điện công nghiệp trình độ cao đẳng từ năm 2017 - 2019).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường giao cho Ban thanh tra đào tạo (BS 2.2.03 - Quyết định thành lập và quy định hoạt động của Ban thanh tra đào tạo). Đầu năm học, Nhà trường có kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo, trong đó có nội dung thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh (BS 2.2.04 - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; BS 2.2.05 - Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS 2.2.06 - Biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách giáo viên năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS 2.2.07 - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020). Khoa Điện thực hiện kiểm tra hồ sơ sổ sách, dự giờ chuyên môn của giáo viên thường xuyên, Nhà trường thực hiện dự giờ đột xuất (BS 2.6.01 - Biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách + dự giờ giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021).

Thông qua kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo, kiểm tra hồ sơ sổ sách và dự giờ thường xuyên, đột xuất của giáo viên đã phát hiện những tồn tại trong hoạt động dạy và học của giáo viên và sinh viên. Khoa Điện đã nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời, khắc phục những điểm tồn tại trong việc thực hiện hồ sơ sổ sách, thực hiện các công việc chuyên môn nhằm kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp, nâng cao hiệu quả và chất

lượng đào tạo (BS 2.6.02 - Biên bản họp khoa hằng tháng; BS 2.6.03 - Báo cáo của khoa Điện năm 2018, 2019, 2020).

Trong các cuộc họp tháng, Nhà trường có những đánh giá, chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong hoạt động đào tạo, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học như: khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học, làm sáng kiến kinh nghiệm; rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đảm bảo thiết bị đào tạo hiện đại, đồng bộ, cập nhật công nghệ sản xuất cho phù hợp với doanh nghiệp; tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy; đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường đánh giá độc lập và có sự tham gia đánh giá của doanh nghiệp; giám sát và nhận phản hồi của HSSV, giáo viên, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nước ... (BS 2.6.04 - Biên bản giao ban Trường hàng tháng).

Kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất được thể hiện qua sự góp ý đánh giá bài giảng của đội ngũ chuyên gia, giáo viên và thể hiện bằng các giải thưởng mà giáo viên đạt được trong Hội giảng cấp trường các năm. Cụ thể:

ST T	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	KẾT QUẢ GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CẤP TRƯỜNG	NĂM	SỐ QĐ
1	Nguyễn Tiến Thành	Giải ba	2017 - 2018	144
2	Ngô Kim Xoạn	Khuyến khích	2018 - 2019	145
3	Nguyễn Văn Tiến	Giải ba	2019 - 2020	210
4	Phạm Thúy Hòe	Giải nhì	2019 - 2020	210

ST T	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	TÊN MÔ HÌNH	NĂM	GHI CHÚ
1	Nguyễn Tiến Thành	Điều khiển tuần tự 3 động cơ	2018	
2	Nguyễn Văn Tiến	Hệ thống bơm chống lụt	2018	

(BS 2.6.05 - Giấy khen giáo viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng tham gia hội giảng cấp trường năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020).

Năm 2018, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến 87 sinh viên, 40 nhà giáo, 11 CBQL; Năm 2019, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến 65 sinh viên, 40 nhà giáo, 11 CBQL; Năm 2020, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến 64 sinh viên, 40 nhà giáo, 11 CBQL về chất lượng đào tạo của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng. Kết quả cho thấy:

- Có ít nhất 95% CBQL, giáo viên, sinh viên đánh giá công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được thực hiện tốt;

- Có ít nhất 97,5% CBQL, giáo viên đánh giá Nhà trường thực hiện tốt việc sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp

(BS 2.1.07 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.08 - Bộ phiếu khảo sát 2018, 2019, 2020; BS 2.1.09 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 2.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020).

Phòng vấn giáo viên, Đoàn thầy: Nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; có sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT - BLĐT BXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN (2.7.01 - Quyết định số 70/QĐ - CDCNHP ngày 16/3/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo liên thông tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp phép đào tạo ở 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp (BS 2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 414/2017/GCNĐKHD - TCDN ngày 28/12/2017).

Năm 2019, Nhà trường xây dựng, ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng trong đó có nghề Điện công nghiệp (2.7.02 - Quyết định số 252a/QĐ - TCDCN ngày 19/6/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; 2.7.03 - Bộ chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng).

Năm 2019, Nhà trường có quyết định tiếp nhận 02 học viên học liên thông cao đẳng nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, 02 học viên này được Nhà trường cho học ghép với lớp cao đẳng chính khóa CĐĐ11B (2.7.04 - Quyết định số 457/QĐ - CDCN ngày 21/10/2019 của Hiệu trưởng về việc tiếp nhận sinh viên Vũ Văn Đức được học liên thông Cao đẳng, nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng vào lớp CĐĐ11B + Quyết định số 463/QĐ - CDCN ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng về việc tiếp nhận sinh viên Phạm Hà Công Minh được học liên thông Cao đẳng, nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng vào lớp CĐĐ11B).

Phòng vấn Trưởng phòng Đào tạo, Đoàn được biết: Năm 2019, Nhà trường có tuyển sinh đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng từ Trung cấp lên Cao đẳng, tuy nhiên chỉ có 02 sinh viên đăng ký học liên thông. 02 sinh viên này đã có đơn và cam kết tình nguyện được học cùng lớp cao đẳng chính khóa CĐĐ11B. Nhà trường có Quyết định công nhận bảo lưu kết quả các môn học mô-đun đã học của chương trình trung cấp cho 02 sinh viên. 02 sinh viên chỉ phải học những MH/MĐ có trong chương trình liên thông. Đối với những MH/MĐ có trong chương trình liên thông mà lớp CĐĐ11B đã học xong thì Nhà trường xếp lịch cho 02 sinh viên được học riêng, những MH/MĐ còn lại được học cùng với lớp CĐĐ11B (BS 2.7.01- Cam kết của 02 sinh viên tình nguyện được học cùng lớp cao đẳng Điện công nghiệp CĐĐ11B; BS 2.7.02 - Biên bản xét điều kiện học liên thông; BS 2.7.03- Quyết định trúng tuyển sinh viên học liên thông cao đẳng Điện công nghiệp; Quyết định công nhận bảo lưu kết quả các môn học mô-đun đã học của chương trình trung cấp).

Nhà trường có kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo, trong đó có nội dung thanh kiểm tra công tác đào tạo liên thông. Kết quả kiểm tra cho thấy: công tác đào tạo liên thông được thực hiện đúng theo quy định (BS 2.2.04 - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; BS 2.2.05 - Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS 2.2.06 - Biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách giáo viên năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS 2.2.07 - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020).

Năm 2020, 02 sinh viên học liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng hoàn thành nội dung chương trình đào tạo, được xét công nhận tốt nghiệp (BS 2.7.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp Cao đẳng, Cao đẳng liên thông năm 2020). Trường đã báo cáo công tác đào tạo về các khóa học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hình thức đào tạo chính quy đã tốt nghiệp các năm 2018, 2019, 2020 về phòng Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng, trong đó có nội dung báo cáo về công tác đào tạo liên thông (BS 2.7.05 - Báo cáo kết quả tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, báo cáo kết quả tốt nghiệp và giải quyết việc làm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo số lượng các khóa học trình độ cao đẳng, báo cáo đào tạo liên thông cao đẳng năm 2018, 2019, 2020).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
0 (Không điểm)	2 (Hai) điểm

TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 3	16 (Mười sáu) điểm	14 (Mười bốn) điểm
<i>Tiêu chuẩn 3.1</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.2</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.4</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.5</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.6</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.7</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.8</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	87,5%

2. Các điểm mạnh:

Đội ngũ nhà giáo, CBQL của khoa Điện của Trường đáp ứng yêu cầu quy mô đào tạo, có trình độ đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, tâm huyết nghề nghiệp, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Các điểm cần cải thiện:

Khoa chưa đảm bảo 100% nhà giáo tham gia thực tập doanh nghiệp hàng năm theo quy định.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN:

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa cần xây dựng kế hoạch bố trí 100% nhà giáo đi tham gia thực tập doanh nghiệp để cập nhật những công nghệ mới áp dụng vào công tác giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát hồ sơ nhà giáo cho thấy, hiện tại Trường có 28 nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, trong đó 12 nhà giáo chuyên trách biên chế thuộc khoa Điện và 16 nhà giáo các khoa khác (khoa Cơ bản: 04 giáo viên; khoa Cơ khí 03 nhà giáo; khoa Điện tử: 08 nhà giáo; khoa Công nghệ thông tin: 01 nhà

giáo). Thống kê trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo cụ thể như sau:

Phân loại nhà giáo	Số lượng	Trình độ chuyên môn (đúng chuyên ngành giảng dạy)				Kỹ năng nghề bậc 3 hoặc tương đương	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Khác				
Nhà giáo chuyên trách thuộc khoa	12	0	8	4	0	12	12	12	12
Nhà giáo các khoa khác tham gia giảng dạy tại khoa	16	0	8	8	0	8	12	12	12
Tổng cộng	28	0	16	12	0	20	24	24	24

(BS 1.2.01 - Quyết định thành lập Khoa Điện; 3.1.01 - Hồ sơ, kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu; BS 3.1.01 - Kế hoạch giáo viên hàng năm).

Qua khảo sát kế hoạch giáo viên năm 2019 - 2020, có 20 nhà giáo giảng dạy tích hợp, trong đó có 20 nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 phù hợp với ngành nghề đang giảng dạy (BS 3.1.02 - Hồ sơ quản lý viên chức).

Qua khảo sát kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019 - 2020 theo Thông tư số 08/2017/TT - BLĐT BXH cho thấy, tổng số 28 nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đều được xếp loại A, đạt chuẩn 100% về các tiêu chí (3.1.02 - Văn bản/tài liệu/hồ sơ đánh giá nhà giáo 3 năm).

Vậy Trường đảm bảo 100% nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhiệm vụ của nhà giáo được Trường quy định rõ tại Quyết định số 144/QĐ - CĐCNHP về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo, gồm: nhiệm vụ giảng dạy, hồ sơ sổ sách giảng dạy, công tác giáo viên chủ nhiệm, quản lý phòng thực hành, công tác nghiên cứu khoa học, học tập, thực tập doanh nghiệp,... (BS 3.2.01 - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trường cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Qua khảo sát các minh chứng cho thấy, 100% nhà giáo thuộc khoa Điện thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy, quy định của Trường (3.1.01 - Hồ sơ, kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu). Trong 03 năm qua, không có giáo viên vi phạm quy chế bị kỷ luật; nhà giáo của Khoa hàng năm được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và nhiều nhà giáo được khen thưởng vì đã đạt nhiều thành tích trong công tác; hàng năm, 100% nhà giáo được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến, tập thể khoa Điện các năm đều được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2020 có 2 giảng viên đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (3.2.04 - Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm 2018, 2019, 2020; 3.2.05 - Quyết định công nhận kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho tập thể, cá nhân năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020; 3.2.06 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường).

Bên cạnh đó, khảo sát kết quả đánh giá xếp loại hàng tháng của nhà giáo trong Khoa và các nhà giáo các khoa khác tham gia giảng dạy các mô-đun, môn học tại Khoa Điện đều đạt loại A (BS 3.2.02 - Quy định về đánh giá, xếp loại tháng, năm đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng; BS 3.2.03 - Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, người lao động hàng tháng).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát kế hoạch giáo viên hàng năm cho thấy (3.3.01 - Chương trình đào tạo; 2.2.01 - Kế hoạch giảng dạy hàng năm trong 3 năm) cho thấy, nhà giáo cơ hữu của Trường

đảm nhận hầu hết các mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo các nghề (chỉ có 02 nhà giáo thỉnh giảng nghề Công nghệ ô tô), riêng nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, nhà giáo biên chế của Khoa đảm nhận hơn 80% khối lượng chương trình đào tạo, gần 20% khối lượng chương trình đào tạo còn lại được các khoa khác giảng dạy, cụ thể gồm: Khoa Cơ khí giảng dạy các mô-đun thuộc chuyên ngành cơ khí; khoa Cơ bản dạy các môn chung; khoa Công nghệ thông tin dạy môn Tin học môn chung và Tin học văn phòng; khoa Điện tử giảng dạy các mô-đun thuộc chuyên ngành điện tử.

Qua khảo sát hồ sơ tổ chức lớp học cho thấy, các số liệu trong Báo cáo tự đánh giá không chính xác so với hồ sơ đào tạo tại Trường, do đó, Đoàn đã thống nhất lấy số liệu chính xác theo hồ sơ đào tạo qua từng năm, cụ thể, số lớp học nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng theo từng năm học như sau:

Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018 - 2019		Năm học 2019 - 2020	
Số lớp TC	Số lớp CĐ	Số lớp TC	Số lớp CĐ	Số lớp TC	Số lớp CĐ
6	6	3	6	6	5

Số lớp học nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng tương ứng với quy mô đào tạo như sau:

Năm học	Số HSSV quy đổi	Số lớp	Bình quân số HSSV/lớp
2017 - 2018	378	12	32
2018 - 2019	321	9	35
2019 - 2020	223	11	20

Số lượng HSSV/lớp học đảm bảo quy định 35 HSSV/lớp.

Kiểm tra Kế hoạch giáo viên, Thời khóa biểu hàng năm cho thấy, các lớp có số lượng HSSV lớn hơn 18 HSSV được chia làm 02 ca thực hành (2.2.01 - Kế hoạch giảng dạy hàng năm trong 3 năm; BS 3.3.01 - Thời khóa biểu và Số lên lớp).

Qua khảo sát các minh chứng cho thấy, số nhà giáo và nhà giáo quy đổi trong 03 năm qua như sau:

Năm học	Số nhà giáo chuyên môn của Khoa	Số nhà giáo các khoa khác tham gia giảng dạy	Số nhà giáo quy đổi
2017 - 2018	15	16	20
2018 - 2019	12	16	17
2019 - 2020	12	16	17

(Giáo viên các khoa khác giảng dạy tổng cộng bình quân 2480 giờ /năm, với giờ chuẩn của giáo viên là 507 giờ/năm theo quy định áp dụng tại Trường, tương đương 5 giáo viên quy đổi).

Tỷ lệ HSSV quy đổi so với nhà giáo quy đổi như sau:

Năm học	Số HSSV quy đổi	Số nhà giáo quy đổi	Tỷ lệ HSSV/nhà giáo
2017 - 2018	378	20	18.9
2018 - 2019	321	17	18.9
2019 - 2020	223	17	13.1

Vậy tỷ lệ HSSV quy đổi/nhà giáo quy đổi trong 03 năm qua đảm bảo quy định.

Tính đến thời điểm đánh giá (tháng 12/2020), tổng số nhà giáo thuộc biên chế của Khoa là 12 nhà giáo, trong đó có 08 nhà giáo có trình độ thạc sỹ, chiếm 66,7% (3.1.01 - Hồ sơ, kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu).

Vậy Trường đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các hồ sơ minh chứng cho thấy, hàng năm, Khoa đều tổ chức hội giảng cấp khoa, lựa chọn những giờ giảng tốt để tham gia hội giảng cấp trường, qua thống kê, trong mỗi năm học Khoa chọn 09 giáo viên tham gia hội giảng cấp khoa (BS 3.4.01 - Báo cáo kết quả Hội giảng cấp khoa và Đăng ký danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp trường; Danh sách giáo viên Hội giảng cấp khoa). Trong 03 năm qua, Khoa đã có 04 giáo viên tham gia giảng cấp trường đạt giải, cụ thể:

STT	Họ và tên nhà giáo	Năm học	Đạt giải	Số QĐ công nhận
1	Nguyễn Tiến Thành	2017 - 2018	Giải ba	144/QĐ - CĐCN
2	Ngô Kim Xoạn	2018 - 2019	Khuyến khích	145/QĐ - CĐCN
3	Nguyễn Văn Tiến	2019 - 2020	Giải ba	210/QĐ - CĐCN
4	Phạm Thúy Hòe	2019 - 2020	Giải nhì	210/QĐ - CĐCN

(3.4.01 - Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy môn chuyên ngành nghề, nghề tham gia NCKH, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm; 3.4.02 - Tài liệu, hình ảnh tham gia các Hội thi thiết bị tự làm; BS 3.4.02 - Các Quyết định công nhận danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường).

Bên cạnh đó, Khoa cũng có 06 nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học, làm thiết bị dạy nghề để tham gia Hội thi Thiết bị dạy nghề tự làm do TP. Hải Phòng tổ chức, cụ thể:

STT	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài/ thiết bị dạy nghề	Năm thực hiện
1	Nguyễn Tiến Thành	Mô hình điều khiển động cơ bằng PLC S7 - 300 Siemens	2018
2	Nguyễn Văn Tiến	Xây dựng hệ thống chống lụt cục bộ công suất 90m ³ /giờ	2018

(3.4.03 Các Quyết định về việc công nhận Đề tài - sáng kiến cấp cơ sở năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các minh chứng: Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm, Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng, chứng chỉ và Báo cáo kết quả bồi dưỡng cho thấy: tất cả nhà giáo của Khoa trong 03 năm qua đều được Trường cử tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng, cụ thể:

STT	Tên giáo viên	Tên khoá đào tạo bồi dưỡng	Năm	Quyết định cử đi học
1	Ngô Quang Huynh	Lớp kỹ năng sư phạm thuộc dự án tăng cường kỹ năng nghề	2017	C123/QĐ - ĐCN
2	Vũ Long	Nâng cao trình độ tiếng anh chuyên ngành	2018	540/QĐ - ĐCN
3	Lê Thị Chiên	Nâng cao trình độ tiếng anh chuyên ngành	2018	

STT	Tên giáo viên	Tên khoá đào tạo bồi dưỡng	Năm	Quyết định cử đi học
4	Nguyễn Tiến Thành	Nâng cao trình độ tiếng anh chuyên ngành	2018	
5	Trần Văn Quỳnh	Quản lý thiết bị dạy học	2018	569/QĐ - CĐCN
6	Nguyễn Văn Tiến	Quản lý thiết bị dạy học	2018	
7	Vũ Long	Quản lý thiết bị dạy học	2018	
8	Ngô Kim Xoạn	Quản lý thiết bị dạy học	2018	
9	Nguyễn Tiến Thành	Quản lý thiết bị dạy học	2018	
10	Trần Văn Quỳnh	Bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học	2018	494/QĐ - CĐCN
11	Ngô Kim Xoạn	Nâng cao trình độ tiếng anh chuyên ngành	2018	598/QĐ - CĐCN
12	Vũ Long	Nâng cao trình độ tiếng anh chuyên ngành	2018	
13	Lê Thị Chiên	Nâng cao trình độ tiếng anh chuyên ngành	2018	
14	Nguyễn Tiến Thành	Nâng cao trình độ tiếng anh chuyên ngành	2018	
15	Trần Văn Quỳnh	Kỹ năng nghề điện	2019	514/QĐ - CĐCN
16	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ năng nghề điện	2019	
17	Vũ Long	Kỹ năng nghề điện	2019	
18	Phạm Thúy Hòe	Kỹ năng nghề điện	2019	
19	Lê Thị Minh Trang	Kỹ năng nghề điện	2019	
20	Đỗ Thị Thanh Xuân	Kỹ năng nghề điện	2019	
21	Ngô Quang Huỳnh	Kỹ năng nghề điện	2019	
22	Trần Văn Quỳnh	Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng	2019	473/QĐ - CĐCN
23	Trần Văn Quỳnh	Học tập kinh nghiệm	2019	387/QĐ - CĐCN
24	Ngô Kim Xoạn	Học tập kinh nghiệm	2019	

STT	Tên giáo viên	Tên khoá đào tạo bồi dưỡng	Năm	Quyết định cử đi học
25	Vũ Long	Học tập kinh nghiệm	2019	
26	Trần Văn Quỳnh	Phòng cháy chữa cháy và CNCH	2019	316/QĐ - CĐCN
27	Nguyễn Văn Tiến	Phòng cháy chữa cháy và CNCH	2019	
28	Nguyễn Văn Tiến	Tập huấn về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	2019	267/QĐ - CĐCN
29	Đỗ Thị Thanh Xuân	Tập huấn về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	2019	
30	Ngô Kim Xoạn	Kỹ năng nghề điện	2019	19/QĐ - CĐCN
31	Vũ Thu Huyền	Kỹ năng nghề điện	2019	
32	Lê Thị Chiên	Kỹ năng nghề điện	2019	
33	Nguyễn Tiến Thành	Kỹ năng nghề điện	2019	
34	Phạm Thị Thanh	Kỹ năng nghề điện	2019	

(3.5.01 - Kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho nhà giáo cơ hữu năm 2017, 2018, 2019; 3.5.02 - Quyết định cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy năm 2017, 2018, 2019; 3.5.04 - Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát minh chứng: Giấy giới thiệu nhà giáo đi thực tập doanh nghiệp và Báo cáo kết quả thực tập của nhà giáo có xác nhận doanh nghiệp, cho thấy:

Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018 - 2019		Năm học 2019 - 2020	
Số nhà giáo đi thực tập	Nơi thực tập	Số nhà giáo đi thực tập	Nơi thực tập	Số nhà giáo đi thực tập	Nơi thực tập
06	Công ty CP ĐT lắp điện Hải Phòng	06	CTy TNHH MTV đóng tàu Sơn Hải	06	CTy CP luyện thép cao cấp Việt Nhật CN3

(3.6.02 - Văn bản/tài liệu về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019; BS 3.6.01 - Giấy giới thiệu nhà giáo đi thực tập doanh nghiệp; BS 3.6.02 - Báo cáo kết quả thực tập của nhà giáo có xác nhận doanh nghiệp).

Vậy so với số lượng nhà giáo biên chế tại Khoa là 12 nhà giáo, thì chưa đảm bảo 100% nhà giáo tham gia thực tập doanh nghiệp theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 3.7: 100% CBQL và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Điện được thành lập vào ngày 10/9/2015, tại Quyết định số 370/QĐ - CĐNCN được tách từ Khoa Điện - Điện tử (BS 3.7.01 - Quyết định thành lập khoa Điện), trong đó, có 02 CBQL, trưởng khoa và phó khoa (BS 3.7.02 - Quyết định bổ nhiệm trưởng, phó khoa Điện). Kiểm tra hồ sơ của trưởng khoa và phó khoa Điện (không có nhân viên) cho thấy, 02 CBQL Khoa có đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định, cụ thể:

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Kỹ năng nghề bậc 3	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học
Trần Văn Quỳnh	Trưởng khoa	Thạc sỹ Khoa học ngành Tự động hóa	X	SPDN	C - Anh	THCB
Nguyễn Văn Tiến	P. Trưởng khoa	Thạc sỹ Khoa học ngành Tự động hóa	X	ĐHSPKT	C - Anh	THCB

(3.7.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ CBQL; 3.7.02 - Hồ sơ đội ngũ CBQL trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% CBQL và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Khoa được quy định tại Quyết định số 132/QĐ - CĐCN về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng (BS 1.1.01 - Quyết định số 132/QĐ - CĐCN ngày 03/4/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng), Trưởng, phó Trưởng khoa đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và đã được Trường đánh giá cao về kết quả hoạt động của tập thể Khoa khi thực hiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, cụ thể:

Trong 03 năm liền, tập thể Khoa được công nhận là tập thể lao động tiên tiến; về cá nhân cán bộ lãnh đạo Khoa trong 03 năm qua đạt danh hiệu là Lao động tiên tiến trở lên, cụ thể:

Họ và tên	Danh hiệu năm học		
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
Trần Văn Quỳnh	Lao động TT	Lao động TT	Lao động TT
Nguyễn Văn Tiến	Lao động TT	CSTD cơ sở	Lao động TT

(BS 3.8.01 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Qua đó, thấy rằng hàng năm, 100% CBQL tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng hoàn thành tốt các nhiệm vụ Trường giao.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 4	24 (Hai mươi bốn) Điểm	20 (Hai mươi) Điểm
<i>Tiêu chuẩn 4.1</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.2</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.3</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.4</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.5</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.6</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.7</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.8</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.9</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.10</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.11</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.12</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	83,3%

2. Các điểm mạnh:

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

3. Các điểm cần cải thiện:

Trường cần tiến hành phối hợp với một số cơ sở giáo dục đại học có cùng khối ngành đào tạo nhằm thiết kế, xây dựng và công nhận liên thông về chương trình đào tạo.

Cần cập nhật nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN:

Trong những năm tới nhà trường phối hợp với trường đại học như Đại học Kỹ thuật Hưng Yên, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên hoặc Đại học Công nghiệp Hà Nội liên kết và tổ chức liên thông lên đại học để tạo điều kiện cho sinh viên của trường được học lên trình độ cao hơn.

Trong những năm tới nhà trường cần tổ chức rà soát, chỉnh sửa lại giáo trình để có sự cập nhật nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của nhà trường được rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Cụ thể: Năm 2017, Nhà trường thực hiện xây dựng chương trình đào tạo theo quy định tại thông tư 03/2017/TT - BLĐT BXH. Năm 2019, chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được nhà trường thực hiện rà soát, điều chỉnh trên cơ sở chuẩn đầu ra và căn cứ điều kiện thực tế, xu hướng xã hội Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo ban hành từ năm 2017.

Đoàn đã thực hiện phân tích minh chứng là hồ sơ xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, thẩm định chương trình đào tạo của Nhà trường và nhận thấy: Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đã được xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định. Nhà trường đã căn cứ, bám sát theo Thông tư số 03/2017/TT - BLĐT BXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để biên soạn, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo. Cụ thể:

+ *Lập kế hoạch xây dựng/ rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo*: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 216 /KH - CĐCNHP ngày 26/06/2017 về việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp. Năm 2019 trường đã xây dựng kế hoạch số 105 /KH - CĐCNHP ngày 27/03/2019 về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2019 (*BS 4.1.01 - Các kế hoạch xây dựng/ rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo*). Trong kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chương trình có thể hiện cụ thể các bước quy trình, thời gian đạt được các nội dung và phân công cụ thể cho các bộ phận, cá nhân.

+ *Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo*: Nhà trường có Quyết định số 317/QĐ - CĐCNHP ngày 26/06/2017 về việc thành lập các Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; Quyết định số 118/QĐ - CĐCNHP ngày 03/4/2019 về việc thành lập các ban chủ nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo năm 2019 (*4.1.01 - Quyết định về việc thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - trình độ cao đẳng*).

+ *Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo*: Sau khi thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, căn cứ theo Điều 6, Thông tư 03/2017/TT - BLĐT BXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH “Quy định về quy trình xây dựng chương trình đào tạo” trường đã tổ chức xây dựng chương trình theo đúng quy định, đặc biệt trường đã tổ chức

các hội thảo để lấy ý kiến chuyên gia, CBQL, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo (4.1.02 - Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao).

+ Về thẩm định chương trình đào tạo: Để đánh giá, thẩm định chương trình đào tạo có hiệu quả, đạt chất lượng nhà trường đã thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có mời các giảng viên, chuyên gia, đơn vị quản lý giáo dục nghề nghiệp và đơn vị sử dụng lao động để tham gia thẩm định chương trình đào tạo, trong đó có uỷ viên phản biện thuộc một cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp là Ông Vũ Văn Cường - Giáo viên khoa Điện - Điện tử, trường Cao đẳng VMU; Ông Nguyễn Văn Thường - Phó trưởng phòng GDNN sở LĐTBXH TP Hải Phòng (4.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo).

+ Về phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo: Sau khi thẩm định, tổ biên soạn tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định để chỉnh sửa chương trình đào tạo cho hoàn chỉnh, theo đúng quy định. Sau khi chỉnh sửa xong, tổ biên soạn gửi cho Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Hiệu trưởng ban hành (4.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết).

Qua phỏng vấn CBQL, giáo viên của khoa điện cho thấy chương trình được xây dựng theo các bước tại thông tư 03/2017; Các giáo viên có được tham gia ý kiến khi xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu minh chứng đoàn nhận thấy: Nhà trường đã tổ chức xây dựng chương trình đào tạo năm 2017 và cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019.

Năm 2017 tại Quyết định số 357/QĐ - CĐCNHP ngày 22/08/2017 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, đối với Hội đồng thẩm định nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng có 02 đại diện doanh nghiệp tham gia với vai trò là thành viên Hội đồng, gồm:

1. Ông Ngô Xuân Hưng; Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật - Công ty CP và cấp điện hệ thống LS - Vina.

2. Ông Nguyễn Hữu Hậu; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên TM & Thiết bị điện AMT.

Năm 2019 tại Quyết định số 164/ QĐ - CĐCNHP ngày 09/5/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Đối với Hội đồng thẩm định nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng có 02 đại diện doanh nghiệp tham gia với vai trò là thành viên Hội đồng, gồm:

1. Ông Lê Duy Hưng; Chức vụ: Giám đốc nhà máy thủy điện Lao Chải – SaPa;
2. Ông Lê Huy Tiến; Chức vụ: Công ty CP Thịnh Tiến

(4.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo).

Các doanh nghiệp, chuyên gia trong Hội đồng thẩm định đều thống nhất đối với nội dung chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng và có góp ý bổ sung một số nội dung cho phù hợp thực tiễn nghề nghiệp, đã được Hội đồng chỉnh sửa chương trình đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện trước khi ban hành (4.1.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.2.01 - Phiếu đánh giá, phản biện về chương trình đào tạo của đại diện doanh nghiệp).

Qua phỏng vấn CBQL, giáo viên và đại diện các doanh nghiệp cũng cho thấy có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo năm 2017 căn cứ theo Thông tư số 03/2017/TT - BLĐT BXH và Quyết định số 1982/QĐ - TTg về phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam. Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đã được xây dựng, thẩm định, ban hành theo đúng quy định. Đến năm 2019, căn cứ Thông tư số 03/2017/TT - BLĐT BXH, Quyết định số 1982/QĐ - TTg về phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam, Thông tư 48/2018/TT - BLĐT BXH về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt ban hành chương trình theo đúng quy định.

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, cho thấy tổng số khối lượng kiến thức toàn khóa học là 138 tín chỉ (cao hơn so với yêu cầu tối thiểu là 66 tín chỉ) với 38 môn học/mô-đun, đảm bảo sinh viên ngoài kiến thức tối thiểu

còn có khả năng nâng cao tay nghề của mình đáp ứng nhu cầu thực tiễn và nhu cầu của người học. Khối lượng lý thuyết: 1077 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1510 giờ; thi/ kiểm tra: 133 giờ (không bao gồm giờ thi tốt nghiệp). Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Cụ thể: Mục tiêu của chương trình (mục 1) bao gồm mục tiêu chung (1.1) và mục tiêu cụ thể (1.2). Mục tiêu cụ thể trong chương trình đào tạo bao gồm các mục tiêu về: kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Trong chương trình các mô-đun/môn học của chương trình đào tạo cũng được chỉ rõ mục tiêu của mỗi mô-đun/môn học và mục tiêu của từng chương, bài: về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học (4.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*).

Trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, các ý kiến đánh giá cho thấy chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đáp ứng yêu cầu quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (4.1.02 - *Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng*; 4.1.03 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*; 4.1.04 - *Biên bản thẩm định chương trình đào tạo*; 4.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, cho thấy trong chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được ban hành đều thể hiện rõ sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Trình tự thực hiện các mô-đun, môn học được quy định rõ trong từng chương trình chi tiết mô-đun, môn học trong mục "Vị trí, tính chất của môn học/mô-đun" thể hiện rất rõ môn học/mô-đun được bố trí song song hoặc học trước, học sau môn học/mô-đun nào trong chương trình đào tạo (4.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*).

Căn cứ vào vị trí MH/MĐ, sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các môn học/mô-đun, hàng năm, đầu năm học Khoa Điện phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và đảm bảo mục tiêu giảng dạy (BS 4.4.01 - Kế hoạch giảng dạy năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020).

Qua phỏng vấn ý kiến của cán bộ, giáo viên đều đánh giá chương trình đào tạo của Trường phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp (*Biên bản phỏng vấn kèm theo*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, cho thấy trong chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được ban hành đều thể hiện rõ những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Tại mục IV của các Chương trình chi tiết môn học, mô-đun (IV. Điều kiện thực hiện môn học/ mô-đun). Chương trình chi tiết mỗi môn học, mô-đun đều quy định rõ yêu cầu về phòng học chuyên môn, trang thiết bị, máy móc, học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu, điều kiện về giảng viên theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT - BLĐT BXH ban hành ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (4.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết).

Trường đã thực hiện lấy ý kiến của CBQL, nhà giáo và đều đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo (4.5.01 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của người học đã tốt nghiệp, đội ngũ nhà giáo, CBQL; 4.5.02 - Phiếu khảo sát; 4.5.03 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của trường cho thấy:

Trong phần chương trình tổng thể tại **Mục 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình** có Mục 4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô-đun: Có hướng dẫn về thời gian tổ chức và hình thức tổ chức kiểm tra hết môn học, mô-đun; Có Mục 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp. Trong chương trình chi tiết từng môn học, mô-đun quy định cụ thể nội dung và phương pháp đánh giá, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo được thể hiện ở Mục V (Nội dung và Phương pháp đánh giá) bao gồm: (1) Nội dung đánh giá, có quy định về: Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ và trách nhiệm; (2) Phương pháp đánh giá, có quy định về: Đánh giá về kiến thức thì dùng hình thức kiểm tra viết; Đánh giá về kỹ năng: Đánh giá trực tiếp trên sản phẩm của người học; Đánh giá về thái độ: Thông qua số giờ tham gia học và kết quả học tập của người học. Ngoài ra tại mục III (Nội dung môn học), mục 1 (Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian) đều có sự phân bổ thời gian kiểm tra cho mỗi chương, mỗi bài trong môn học, mô-đun (4.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - trình độ cao đẳng kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*).

Trường đã thực hiện lấy ý kiến của CBQL, nhà giáo về phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo là phù hợp (4.6.01 - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của người học đã tốt nghiệp, đội ngũ nhà giáo, CBQL*; 4.6.02 - *Phiếu khảo sát*; ; 4.6.03 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát*).

Qua phỏng vấn ý kiến của cán bộ, giáo viên đều đánh giá chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (*Biên bản phỏng vấn kèm theo*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Nhà trường là một trong ba nghề trọng điểm cấp độ quốc tế được Bộ LĐ - TB&XH phê duyệt ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 theo Quyết định 1769/QĐ - LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH. Vì vậy Nhà trường xác định khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, để đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ nhà trường đã mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành điện công nghiệp trong khu vực, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành điện công nghiệp tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đảm bảo tính thực tiễn, được cập nhật thường xuyên kỹ thuật công nghệ tiên tiến, hiện đại đáp ứng với yêu cầu phát triển của ngành cũng như tiềm năng phát triển nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. Chương trình đào tạo trước khi được ban hành đều được thông qua Hội đồng thẩm định, đánh giá và đạt chất lượng, đảm bảo phù hợp với yêu cầu và phát triển của xã hội (4.1.03 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*; 4.1.04 - *Biên bản thẩm định chương trình đào tạo*; 4.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*).

Trường đã thực hiện lấy ý kiến khảo sát của người học đã tốt nghiệp, CBQL, nhà giáo, doanh nghiệp về chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Kết quả có trên 88% người khảo sát đồng ý và rất đồng ý (4.7.01 - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của người học đã tốt nghiệp, đội ngũ nhà giáo, CBQL, Doanh nghiệp về sự phù hợp của chương trình đào tạo với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ*; 4.7.02 - *Phiếu khảo sát*; 4.7.03 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát*).

Qua phỏng vấn đơn vị sử dụng lao động và HSSV đã tốt nghiệp đi làm đều đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của TP. Hải Phòng nói riêng và của đất nước nói chung, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (*Biên bản phỏng vấn kèm theo*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại, trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng và đã tổ chức đào tạo liên thông (4.7.01 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng nghề Điện công nghiệp - kèm theo bộ chương trình chi tiết*). Tuy nhiên, nhà trường chưa có các văn bản liên kết đào tạo với các trường đại học, chưa phối hợp với các trường đại học để ra quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra, đối chiếu minh chứng danh mục các MH/MĐ trong chương trình đào tạo năm 2017 và năm 2019 với các bản in giáo trình theo từng bộ chương trình. Đoàn thấy: Nhà trường có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Cụ thể:

- Danh mục các MH/MĐ trong chương trình đào tạo năm 2017 có 38 MH/MĐ. Nhà trường có tổng số 38 bản in giáo trình các MH/MĐ tương ứng.

- Danh mục các MH/MĐ trong chương trình đào tạo năm 2019 có 38 MH/MĐ (Chương trình đào tạo năm 2019 được sửa đổi khác với chương trình năm 2017: có thay MĐ Tin học văn phòng bằng MĐ Thực tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp và ở một số mô-đun có điều chỉnh thời gian). Nhà trường cũng có tổng số 38 bản in giáo trình các MH/MĐ tương ứng với chương trình đào tạo năm 2019

(4.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*; 4.10.03 - *Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình*; 4.9.01 - *Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) kèm theo bản in các giáo trình*).

Qua phỏng vấn HSSV đang học và HSSV đã tốt nghiệp đi làm đều cho thấy nhà trường có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại tiêu chuẩn 4.9, Đoàn đã đánh giá Nhà trường có đủ giáo trình cho tất cả các mô-đun, môn học của chương trình nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng. Giáo trình của nhà trường gồm giáo trình do giảng viên Nhà trường tự biên soạn và giáo trình được Nhà trường lựa chọn để sử dụng làm giáo trình giảng dạy. Nhà trường có thuận rất lớn trong việc xây dựng và lựa chọn giáo trình đó là năm 2013, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã thuê nhà trường biên soạn bộ giáo trình nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng để làm bộ giáo trình chung của Tổng cục Dạy nghề cho các trường tham khảo, nên Nhà trường đã có rất nhiều kinh nghiệm để xây dựng cũng như lựa chọn các bộ giáo trình phù hợp. Hiện tại qua nghiên cứu Hồ sơ minh chứng thấy rằng:

- Chương trình ban hành năm 2017 có tổng số 37 MH/MĐ không tính MĐ thực tập tốt nghiệp. Trong đó có 6 môn chung, 31 MH/MĐ đào tạo nghề. Nhà trường đã tổ chức rà soát lựa chọn giáo trình hoặc biên soạn mới giáo trình để phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Kết quả: Năm 2017, Nhà trường đã biên soạn mới 09 giáo trình, lựa chọn đưa vào sử dụng 22 giáo trình. Các giáo trình lựa chọn đa phần là các giáo trình mà Nhà trường đã biên soạn từ những năm 2012 - 2017 hoặc của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp biên soạn.

- Chương trình ban hành năm 2019 có tổng số 36 MH/MĐ không tính 2 MĐ là: MĐ thực tập tốt nghiệp và MĐ Thực tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp. Trong đó có 6 môn chung, 30 MH/MĐ đào tạo nghề. Nhà trường đã tổ chức rà soát giáo trình, biên soạn mới giáo trình để phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Năm 2019, có 100% giáo trình được lựa chọn từ các giáo trình đã ban hành năm 2017.

- Đối với các giáo trình do Nhà trường biên soạn: Trường đã thực hiện theo đúng yêu cầu tại Điều 14, Thông tư 03 2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Đối với các giáo trình được lựa chọn: Dưới sự chỉ đạo của Nhà trường, khoa Điện tử đã thực hiện việc đề xuất lựa chọn các tài liệu, sách giáo trình của các nhà xuất bản, để sử dụng làm giáo trình nội bộ. Các giáo trình được Hội đồng thẩm định của trường thẩm định và đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định lựa chọn làm giáo trình giảng dạy. Việc lựa chọn giáo trình của trường được thực hiện đúng theo Điều 15, Thông tư 03 2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017

(BS 4.10.01 - Các kế hoạch biên soạn/lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019; 4.10.01 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình; BS

4.10.02 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2017, 2019; 4.10.02 - Biên bản nghiệm thu từng giáo trình; 4.10.03 - Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình; 4.9.01 - Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) kèm theo bản in các giáo trình).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.10:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ giáo trình đào tạo của Trường được xây dựng, lựa chọn theo đúng quy định, cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo. Mỗi giáo trình thể hiện các nội dung: tên giáo trình thống nhất với tên mô-đun, môn học; mục tiêu mô-đun, môn học; nội dung tổng quát và phân bổ thời gian; nội dung chi tiết từng chương, bài.

Nội dung chi tiết bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo. Giáo trình được biên soạn có thể thực hiện phương pháp dạy học tích cực, thuận tiện khi sử dụng các ứng dụng công nghệ trong dạy học. Những nhận định trên cũng được thể hiện rõ trong các biên bản của Hội đồng thẩm định các giáo trình (BS 4.10.01 - Các kế hoạch biên soạn/lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019; 4.10.01 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình; BS 4.10.02 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2017, 2019; 4.10.02 - Biên bản nghiệm thu từng giáo trình; 4.10.03 - Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình; 4.9.01 - Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) kèm theo bản in các giáo trình).

Qua phỏng vấn ý kiến của giáo viên đánh giá giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.11:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình ban hành năm 2019 có tổng số 36 MH/MĐ không tính 2 MĐ là: MĐ thực tập tốt nghiệp và MĐ Thực tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp. Trong đó có 6 môn chung, 30 MH/MĐ đào tạo nghề. Nhà trường đã tổ chức rà soát giáo trình, biên soạn mới giáo trình để phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Năm 2019 có 100% giáo trình được lựa chọn từ các giáo trình đã ban hành năm 2017. Kiểm tra Biên bản thẩm định, lựa chọn giáo trình ban hành năm 2019 Đoàn nhận thấy: Trong nội dung các biên bản chưa có nội dung đánh giá giáo trình có đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hay không (BS 4.10.01 - Các kế hoạch biên soạn/lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019; 4.10.01 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình; BS 4.10.02 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2017, 2019; 4.10.02 - Biên bản nghiệm thu từng giáo trình; 4.10.03 - Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình; 4.9.01 - Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) kèm theo bản in các giáo trình).

Đoàn đã kiểm tra nội dung trong giáo trình và thực tế các thiết bị tại xưởng Điện, Đoàn nhận thấy: “Mô-đun 23 - Thiết bị điện gia dụng” vẫn còn sử dụng những thiết bị gia dụng ngày xưa như bàn là Liên Xô, bình nước nóng và một số thiết bị sợi đốt khác mà chưa cập nhật thiết bị gia dụng phổ biến hiện nay như: lò vi sóng, máy giặt, bếp điện, bếp từ ... Hay trong “Mô-đun 32 - Kỹ thuật lắp đặt điện” vẫn còn lắp những mạch rất đơn giản như mạch điện cầu thang, mạch đèn huỳnh quang dùng chấn lưu ... chưa cập nhật nội dung lắp đặt điện có sử dụng KNX có thể điều khiển được nhiều thiết bị như hiện nay. Như vậy, Nhà trường chưa đáp ứng 100% giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.12:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	0 (Không) điểm

TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 5	16 (Mười sáu) điểm	16 (Mười sáu) điểm
<i>Tiêu chuẩn 5.1</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.2</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.3</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.4</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.5</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.6</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.7</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.8</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100 %	100 %

2. Các điểm mạnh:

- Trường đảm bảo đủ chủng loại và số lượng thiết bị theo quy định, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, có một số thiết bị có công nghệ hiện đại tương đương với trình độ sản xuất tại doanh nghiệp.

- Có nhiều phần mềm thực tế ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng.

3. Các điểm cần cải thiện: Không có.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Trường: Không có.

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế và nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo, cụ thể: đối với phòng lý thuyết nghề được Trường bố trí dùng chung theo thời khóa biểu, phòng lý thuyết có diện tích bình quân 76m², phòng nhỏ nhất là 60m²; phòng giảng đường có diện tích 110m²; Khu phòng học thực hành nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Trường được bố trí ở Khu nhà thực hành 05 tầng được thiết kế đồng bộ, diện tích mỗi phòng là 90m², đảm bảo quy chuẩn xây dựng TCVN 9210 - 2012 và Thông tư 38/2018/TT -

BLĐTBXH (BS 5.1.01 - Hồ sơ hoàn công công trình xây dựng nhà thực hành 5 tầng). Các số liệu trong Báo cáo tự đánh giá của Trường chưa được chính xác nên Đoàn thống nhất lấy số liệu theo hồ sơ hoàn công và khảo sát thực tế.

Phòng học lý thuyết đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể, phòng học lý thuyết toàn Trường có 23 phòng dùng chung cho tất cả các nghề, với quy mô lớp học lớn nhất trong 03 năm qua là 40 lớp (năm học 2019 - 2020) tương ứng với số HSSV quy đổi là 603 HSSV, số phòng học lý thuyết cần thiết là 12 phòng (mỗi ngày học 01 ca), so với số phòng học lý thuyết đang có ở Trường thì đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy (BS 5.1.02 - Kế hoạch đào tạo toàn trường hàng năm; BS 5.1.03 - Bảng thống kê số lượng HSSV hàng năm, Quyết định mở lớp).

Phòng thực hành phục vụ đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng gồm:

Phòng thực hành Tin học căn bản dùng chung (Trường có 02 phòng thực hành Công nghệ thông tin 54 máy tính dùng dạy môn học chung cho toàn trường);

Phòng thực hành Cơ khí dùng chung với nghề Cơ khí cắt gọt;

Phòng Lab phục vụ học ngoại ngữ dùng giảng dạy ngoại ngữ cho tất cả các nghề;

Phòng thực hành chuyên môn nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng gồm 12 phòng, được bố trí ở tầng 2, 3, 4, 5 của khu nhà thực hành 05 tầng (5.3.01 - Sơ đồ mặt bằng phòng học khu thực hành 05 tầng).

Nhu cầu phòng thực hành theo quy mô HSSV và quy mô lớp học của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được phân tích cụ thể như sau:

Thời gian/quy mô và nhu cầu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
Quy mô HSSV (vừa cao đẳng, vừa trung cấp)	378	321	220
Quy mô ca học thực hành	18	18	18
Nhu cầu số phòng thực hành theo quy mô HSSV (mỗi ngày học 02 ca)	7.4	6.2	4.3
Nhu cầu số phòng thực hành nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng theo quy mô ca học thực hành (mỗi ngày học 02 ca)	6.3	6.3	6.3

Vậy, nhu cầu số phòng học thực hành lớn nhất trong 03 năm học qua là 7.4 phòng, so với số phòng học thực hành chuyên môn nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng là 12 phòng thì Trường đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo.

Hệ thống điện: Trường sử dụng hệ thống điện từ 02 trạm biến áp 320kVA - 22/0,4KV. Tại các khu nhà học, dây dẫn điện tại khu nhà thực hành nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được thiết kế đi ngầm trong tường, còn hệ thống điện kết nối thiết bị thì dây được đi nổi trên tường và được cho vào ống gen, máng treo cách điện, có cầu dao, aptomat bảo vệ riêng biệt từng phòng, đảm bảo cung cấp điện cho sinh hoạt, học tập thực hành và mọi

hoạt động khác của trường. Nguồn điện phục vụ học tập và sinh hoạt của Trường được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - chi nhánh Điện lực An Dương (5.1.02 - Hợp đồng mua bán điện với Chi nhánh điện An Dương; 5.1.03 - Hóa đơn thu tiền điện; 5.1.04 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật 02 trạm biến áp 22KV/0,4KV - 320KVA).

Hệ thống thoát nước được xây dựng thành hệ thống công từ các khu nhà chạy dọc theo đường giao thông nội bộ dẫn ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố. Hệ thống cấp nước được dẫn từ hệ thống cấp nước sạch nhà máy nước An Dương bằng đường ống dẫn ngầm dẫn tới các khu nhà trong toàn Trường (BS 5.2.03 - Hồ sơ thiết kế/xây dựng các khối công trình; BS 5.1.04 - Bản vẽ hệ thống cấp, thoát nước toàn trường; 5.1.05 - Hợp đồng mua bán nước với Công ty cấp nước; 5.1.07 - Hóa đơn thu tiền nước).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế tại các phân xưởng thực hành, cho thấy, thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng tại Trường đầu tư khá đồng bộ, một số thiết bị hiện đại tương đương với công nghệ sản xuất từ các dự án: Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động của thành phố Hải Phòng,... và nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được Bộ LĐ - TB&XH phê duyệt là nghề trọng điểm quốc tế tại Quyết định số 1836/QĐ - BLĐT BXH ngày 27/11/2017. Qua khảo sát hồ sơ minh chứng về danh mục thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (5.2.02 - Kiểm kê Danh mục thiết bị theo từng phòng thực hành chuyên môn; 5.2.01 - Hồ sơ quản lý phòng học chuyên môn) tại Trường cho thấy, Trường có tổng cộng 369 thiết bị chuyên môn nghề được bố trí ở 12 phòng thực hành chuyên môn: 03 phòng Thực hành trang bị điện, 03 phòng Thực hành máy điện, 03 phòng thực hành lắp đặt điện và 03 phòng Thực hành tự động hóa. Qua khảo sát minh chứng Biên bản kiểm tra danh mục thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng hàng năm và Hồ sơ quản lý phòng học chuyên môn/ phòng học thực hành, cho thấy: Thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo, nhiều thiết bị hiện đại đã được Trường trang bị phục vụ giảng dạy nằm ngoài danh mục thiết bị tối thiểu được quy định tại Thông 26/2019/TT - BLĐT BXH, chẳng hạn như: mô-đun đào tạo Lắp đặt công tắc, Phôi động cơ không đồng bộ 03 pha; Bộ thực hành PLC, mô-đun lập trình cơ nhỏ; mô-đun mở rộng đầu vào/ra số, Kit thực hành vi điều khiển,... (BS 5.2.01 - Bảng đối sánh danh mục thiết bị hiện có và danh mục thiết bị

quy định tối thiểu). Như vậy, thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Nhà trường đảm bảo đủ chủng loại theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát hồ sơ minh chứng về danh mục thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (5.2.02 - Kiểm kê danh mục thiết bị theo từng phòng thực hành chuyên môn; 5.2.01 - Hồ sơ quản lý phòng học chuyên môn) tại trường cho thấy, Trường có tổng cộng 369 thiết bị chuyên môn nghề được bố trí ở 12 phòng thực hành chuyên môn với tổng số lượng thiết bị là 2983 thiết bị.

Qua việc đối chiếu với yêu cầu số lượng thiết bị tối thiểu từng phòng thực hành chuyên môn hóa đối với nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng được ban hành tại Thông tư 26/2019/TT - BLĐT BXH với quy mô đào tạo 18 HSSV/ca thực hành cho thấy, số lượng thiết bị nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Trường có đầy đủ theo yêu cầu, hơn nữa một số thiết bị số lượng còn nhiều hơn yêu cầu tối thiểu, chẳng hạn: máy vi tính, công tắc tơ, rơ le thời gian, áp tô mát 1pha, 3 pha, phôi động cơ vạn năng,... (BS 5.2.01 - Bảng đối sánh danh mục thiết bị hiện có và danh mục thiết bị quy định tối thiểu).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế tại các phòng thực hành, cho thấy: Các thiết bị được bố trí, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp thuận tiện cho việc vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành.

Các thiết bị được bố trí hợp lý, thiết bị có thể tích nhỏ được sắp xếp khoa học trên các kệ, tủ nhiều tầng, các thiết bị có thể tích lớn ở dạng mô hình, bàn thực hành được sắp

xếp ngăn nắp theo hình chữ U, ở giữa phòng thực hành bố trí bàn ghế đủ cho 18 HSSV, trong phòng có trang bị ghế xếp, được sắp xếp gọn vào một góc, tiện cho việc sử dụng học thực hành trên thiết bị; Hệ thống điện kết nối các thiết bị bố trí treo, được cho vào ống gen, máng treo gọn gàng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, an toàn, thuận tiện trong việc vệ sinh công nghiệp (5.3.01 - Sơ đồ, bản vẽ, ảnh chụp các phòng học).

Tất cả các phòng thực hành đều có hệ thống kho lưu trữ vật tư phối liệu, tủ lưu trữ thiết bị đo kiểm, chống thất thoát, đảm bảo công tác bảo quản thiết bị, vật tư; có nội quy phòng thực hành; hệ thống biển chỉ dẫn PCCC, quy trình 5S; có chỗ để mũ, nón, áo mưa và dụng cụ vệ sinh;... (BS 5.4.01 - Nội quy xưởng thực hành; 5.3.01 - Sơ đồ, bản vẽ, ảnh chụp các phòng học).

100% các thiết bị đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của Trường có hồ sơ xuất xứ, năm, nước sản xuất, chủng loại, thông số kỹ thuật rõ ràng, các thiết bị đều được gắn thẻ thiết bị (BS 5.4.02 - Danh mục thiết bị dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; BS 5.4.03 - Quyết định giao quản lý sử dụng tài sản thuộc chương trình mục tiêu giáo dục việc làm hàng năm đối với nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng).

Trên cơ sở Quyết định giao quản lý sử dụng tài sản thuộc chương trình mục tiêu giáo dục việc làm hàng năm, Khoa tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng đúng công năng, được theo dõi bởi hồ sơ quản lý phòng chuyên môn gồm Sổ nhật phòng thực hành và Sổ theo dõi tình trạng thiết bị vật tư. Bên cạnh đó, Khoa còn phân công giáo viên phụ trách quản lý từng phòng thực hành (BS 5.4.04 - Bảng phân công giáo viên quản lý phòng thực hành năm 2017, 2018, 2019, 2020; 5.4.03 - Hồ sơ quản lý phòng học chuyên môn).

Các thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất và theo quy định của Trường, hàng năm Khoa lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, trong đó có lập tiến độ thời gian bảo trì, bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất và quy định bảo trì bảo dưỡng của Trường. Trên cơ sở kế hoạch này, các khoa tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa đảm bảo các thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt (BS 5.4.05 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm; BS 5.4.06 - Quyết định số 25/QĐ - CDCN ngày 22/01/2018 về việc ban hành quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; BS 5.4.07 - Hồ sơ thanh toán bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị hàng năm).

Thông qua việc theo dõi tình trạng thiết bị thường xuyên, Khoa cũng đánh giá được hiệu quả sử dụng thiết bị đồng thời có những biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị. Hàng năm, Trường cũng tổ chức kiểm kê, đánh giá hiệu quả sử dụng, tình trạng thiết bị và có giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị. Đối với những thiết bị cũ, hỏng hoặc công nghệ lạc hậu sẽ được thanh lý để mua sắm mới các thiết bị phù hợp, hiện đại phục vụ giảng dạy (BS 5.4.08 - Biên bản xác định tình trạng kỹ thuật của tài sản; BS 5.4.09 - Hồ sơ kiểm kê tài sản và hồ sơ thanh lý tài sản hàng năm).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế cho thấy, Khoa Điện có 03 phòng kho được bố trí trong khu nhà thực hành 05 tầng của Khoa, trong đó có một phòng kho Lắp đặt điện rộng 80m², đầy đủ tiêu chuẩn về thông gió, chống ẩm mốc, trang bị kệ, tủ để vật tư, phôi liệu, có 01 bộ máy tính dùng để theo dõi việc giao nhận, cấp phát vật tư theo quy định (5.3.01 - Sơ đồ mặt bằng phòng học khu thực hành 05 tầng). Vật tư phôi liệu được sắp xếp gọn gàng, phân theo từng loại trên các kệ, tủ, rất thuận tiện cho việc cấp phát.

Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư được Trường quy định rõ tại Quyết định số 36/QĐ - CĐCN về ban hành Quy định quản lý, cấp phát và sử dụng thiết bị vật tư (5.5.02 - Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo) và quy định về Quy trình quản lý, cấp phát vật tư (BS 5.5.01 - Quyết định số 06/QĐ - CĐCN ngày 11/01/2018 ban hành Quy trình mua sắm, cấp phát vật tư phôi liệu). Căn cứ các văn bản quy định và chương trình đào tạo, hàng năm, Khoa phối hợp với phòng Đào tạo, Phòng Quản trị - Đời sống xây dựng định mức vật tư cho từng mô-đun, trình hiệu trưởng phê duyệt (5.5.01 - Quy định về định mức tiêu hao vật tư đào tạo). Giáo viên phụ trách phòng thực hành và Khoa căn cứ vào số lượng HSSV đề xuất vật tư, phôi liệu phục vụ cho từng mô-đun, trình Phó hiệu trưởng phụ trách phê duyệt, phòng Quản trị - Đời sống, phòng Tài vụ phối hợp với Khoa tiến hành mua sắm vật tư phôi liệu phục vụ giảng dạy (BS 5.5.02 - Hồ sơ mua sắm vật tư phôi liệu phục vụ giảng dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng). Sau khi vật tư, phôi liệu được mua sắm, giáo viên phụ trách phòng thực hành nhận vật tư, phôi liệu bảo quản ở kho và tiến hành cấp phát theo tiến độ đào tạo mô-đun, môn học; việc cấp phát có hệ thống Sổ theo dõi, đồng thời theo dõi trên máy tính (BS 5.5.03 - Biên bản giao nhận vật tư phôi liệu hàng năm; 5.5.04 - Sổ cấp phát vật tư nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019; 2019 - 2020).

Qua kiểm tra, đối chiếu các minh chứng cho thấy, việc mua vật tư, phôi liệu được thực hiện đầu mỗi học kỳ và được lưu trữ tại kho và cấp phát theo kế hoạch, tiến độ đào tạo, vì vậy, luôn kịp thời, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy (5.5.04 - Sổ cấp phát vật tư nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019; 2019 - 2020; BS 5.5.04 - Kế hoạch đào tạo và Thời khóa biểu khoa Điện).

Qua phỏng vấn nhà giáo và HSSV đang học cũng cho biết, kế hoạch vật tư, phôi liệu được lập trước học kỳ ít nhất là 30 ngày, vật tư phôi liệu thực hành được mua sắm lưu trữ ở kho nên không có hiện tượng chậm trễ về việc cấp vật tư phôi liệu so với kế hoạch đào tạo (có Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế và hồ sơ số sách theo dõi thư viện cho thấy, tại thư viện có 09 bộ chương trình đào tạo cao đẳng, 06 bộ chương trình đào tạo trung cấp và 09 bộ chương trình đào tạo sơ cấp, 250 đầu giáo trình mô-đun, môn học tự biên soạn với 1250 cuốn, 663 đầu giáo trình mô-đun, môn học tham khảo với 2336 cuốn. Trong đó, có 02 bộ chương trình Điện công nghiệp (trung cấp và cao đẳng), 80 giáo trình trung cấp, cao đẳng, liên thông với số lượng 400 cuốn bản in (5.6.04 - Các quyết định, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun môn học; 5.6.05 - Danh mục đầu sách giáo trình môn học, mô-đun và tài liệu tham khảo; BS 5.6.01 - Biên bản kiểm kê thư viện năm 2017, 2018, 2019).

Ngoài giáo trình Trường biên soạn (giáo trình nội bộ), thư viện trường còn có 167 bản in giáo trình tham khảo và 2055 giáo trình tham khảo được số hóa tích hợp trên thư viện điện tử địa chỉ <http://thuvien.hpvc.edu.vn/Default.aspx?Maloai=KD>, phục vụ cho nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (5.6.05 - Danh mục đầu sách giáo trình môn học, mô-đun và tài liệu tham khảo). So với quy mô đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng lớn nhất trong 03 năm qua là 378 HSSV (năm học 2017 - 2018), thì tỷ lệ đầu sách tham khảo/ người học là $(167+2.055)/378 = 2.222/378$ tương đương 5,9 đầu sách/người học.

Trên thư viện điện tử tại địa chỉ <http://thuvien.hpvc.edu.vn/Default.aspx>, có đầy đủ chương trình đào tạo và 80 giáo trình được số hóa phục vụ tốt cho nhà giáo và HSSV nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng học tập và nghiên cứu.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế tại thư viện Trường, cho thấy, thư viện điện tử của Trường gồm có 19 máy tính và 01 máy chủ được kết nối mạng internet, với không gian yên tĩnh, thoáng mát, được trang trí một số hình ảnh biểu mẫu ý nghĩa; có đầy đủ các thiết bị phục vụ như tủ lạnh, điều hòa, máy lọc nước,...được Tập đoàn LG Hàn Quốc tài trợ; Phần mềm quản lý thư viện được cung cấp bởi công ty Cổ phần dịch vụ và Công nghệ TIT, hỗ trợ quản lý thư

viện và thuận tiện cho việc tra cứu tài liệu cho bạn đọc, đáp ứng nhu cầu tra cứu của CBQL, nhà giáo và HSSV (BS 5.7.01 - Hợp đồng cung ứng phần mềm quản lý thư viện; 5.7.01 - Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và Công ty Viễn thông quân đội Viettel; BS 5.7.02 - Biên bản kiểm kê thư viện năm 2017, 2018, 2019). Bên cạnh đó, tài liệu, giáo trình được số hóa tích hợp trên thư viện điện tử của Trường tại địa chỉ <http://thuvien.hpvc.edu.vn/Default.aspx>, cũng tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV và HSSV tra cứu, tham khảo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua các khảo sát minh chứng, cho thấy, hầu hết các nhà giáo giảng dạy các mô-đun chuyên môn nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng tại Trường ứng dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế, cụ thể như:

STT	Tên mô-đun/môn học	Trên phần mềm ảo mô phỏng thiết bị
1	An toàn điện	GEM tính toán nối đất, Phần mềm tính toán ngắn mạch ETAP 4.0
2	Mạch điện	Phần mềm mô phỏng mạch điện Proteus
3	Vật liệu điện	Phần mềm tính cáp điện Cable Calc
4	Điện tử cơ bản	Phần mềm mô phỏng mạch điện Proteus
5	Điều khiển điện khí nén	Phần mềm mô phỏng thủy lực khí nén Festo Fluidsim
6	Đo lường điện	Tina v9.3.50
7	Máy điện 1	Phần mềm mô phỏng máy điện LVSIM - EMS
8	Máy điện 2	Phần mềm mô phỏng máy điện LVSIM - EMS
9	Trang bị điện 1	CADe - SIMU 3.0
10	Trang bị điện 2	Phần mềm WSCAD

STT	Tên mô-đun/môn học	Trên phần mềm ảo mô phỏng thiết bị
11	Kỹ thuật xung - số	Logisim
12	Kỹ thuật cảm biến	CADE SIMU
13	Thiết bị điện gia dụng	Phần mềm mô phỏng máy điện LVSIM - EMS
14	PLC cơ bản	Step 7, win cc
15	Truyền động điện	Phần mềm mô phỏng máy điện LVSIM - EMS
16	Điện tử công suất	Psim
17	Quản dây máy điện xoay chiều	Mô phỏng động cơ MC90 - V
18	PLC nâng cao	Step 7, Win cc
19	Thực tập tốt nghiệp	Thiết kế chiếu sáng DIALUX
20	Bảo vệ role	Phần mềm mô phỏng ETAP
21	Cung cấp điện	Phần mềm mô phỏng ETAP
22	Kỹ thuật lắp đặt điện	Thiết kế chiếu sáng DIALUX
23	Lập trình vi điều khiển	Keil Vision 5
24	Chuyên đề điều khiển lập trình cỡ nhỏ	Logo!Solt

(5.8.01 - Hợp đồng cung cấp thiết bị mô phỏng, phần mềm nghề Điện công nghiệp trình độ cao đính kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao; BS 5.8.01 - Hồ sơ giáo án mô-đun/môn học của nhà giáo).

Bên cạnh đó, nhà giáo còn ứng dụng phần mềm Powerpoint và Autocad để mô phỏng quy trình hoạt động, hỗ trợ trong việc giảng dạy ở một số mô-đun, môn học (BS 5.8.01 - Hồ sơ giáo án mô-đun/môn học của nhà giáo).

Đoàn đã trực tiếp khảo sát dự giờ mô-đun Điều khiển điện khí nén do cô Vũ Thu Huyền giảng dạy và mô-đun Kỹ thuật lắp đặt điện do thầy Ngô Kim Soạn giảng dạy cho thấy các phần mềm mô phỏng hoạt động tốt, hỗ trợ tốt cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và HSSV.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

TIÊU CHÍ 6: DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 6	8 (Tám) Điểm	8 (Tám) Điểm
<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.4</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>	<i>2 (Hai) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	100%

2. Các điểm mạnh:

- Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, quy chế thi kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành, về cơ hội việc làm.

- Nhà trường luôn tạo điều kiện cho người học tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

- Nhà trường thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách đối với người học như khen thưởng, hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên có thành tích cao trong học tập và rèn luyện, hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chính sách nội trú .

3. Các điểm cần cải thiện: Không có.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN:

Nhà trường tiếp tục xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, cải thiện sân chơi, bãi tập nhằm đáp ứng tốt hơn điều kiện sinh hoạt ngoại khóa cho sinh viên.

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông qua khảo sát thực tế tại Trường, kiểm tra các văn bản, tài liệu và phỏng vấn các đối tượng có liên quan đoàn nhận thấy Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về: chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của nhà trường và các chế độ, chính sách đối với người học.

Ngay từ đầu mỗi khoá học, trường có xây dựng kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khoá. Tại kế hoạch này ngoài những mục như: “I. Mục đích, II. Yêu cầu, III. Đối tượng và thời gian” thì ở mục “IV. Tổ chức thực hiện” đã phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận về nội dung cần phải phổ biến cho HSSV, cụ thể đối với Ban giám hiệu, Phòng Công tác HSSV, Phòng đào tạo, Phòng Quản trị đời sống, Đoàn thanh niên (6.1.01 - Kế hoạch học tập quy chế đầu năm học). Qua các buổi học tập đầu khóa đã cung cấp các thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với HSSV và các điều kiện mà trường thực hiện chương trình đào tạo (2.5.01 - Quyết định số 307/QĐ - CDCNHP ngày 13/7/2017 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; 6.2.07 - Quy chế học sinh, sinh viên; BS 6.1.01 - Quyết định số 189/QĐ - CDCN ngày 03/05/2017 v/v ban hành hướng dẫn việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Đặc biệt khi HSSV tham gia học tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá các em còn được phát 1 cuốn sổ tay sinh viên trong đó có cung cấp đầy đủ các nội dung như: Lịch sử phát triển của trường; kế hoạch tuyển sinh của nhà trường; quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; chương trình đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; nội quy ký túc xá; các chế độ chính sách đối với HSSV; các phom mẫu về các văn bản có liên quan.

Sau khi HSSV kết thúc tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá các em còn phải ký một bảng cam kết thực hiện gồm 2 phần: Phần I. Nghĩa vụ của HSSV, phần II. Các hành vi HSSV không được làm (6.1.02 - Sổ tay HSSV (bao gồm đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, nội quy, quy chế, các chế độ chính sách...); 6.1.03 - Bảng cam kết của HSSV); Ngoài ra giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn cũng thường xuyên cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu chuyên môn cần đạt được trong quá trình đào tạo trên lớp.

Các nội quy, quy định của Trường còn được niêm yết công khai tại những nơi dễ nhìn, dễ đọc trong trường và các kênh khác như: Website, Facebook của Trường, tại bảng tin trong Trường, tại các xưởng thực hành, phòng học, phòng thực hành (BS 6.1.02 - Địa chỉ Website, Facebook nhà trường; BS 6.1.03 - Hình ảnh các vị trí đặt nội quy, thông báo của Trường).

Hàng năm nhà trường cũng đã tổ chức ý kiến của HSSV về việc cung cấp đầy đủ thông tin đến người học của Nhà trường. Kết quả mức độ hài lòng cao (BS 6.1.04 - Kế hoạch thăm dò ý kiến về việc cung cấp thông tin cho người học hàng năm; 6.1.04 - Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV, nhà giáo về việc cung cấp thông tin cho người học hàng năm; 6.1.05 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến thăm dò).

Qua phỏng vấn giáo viên và HSSV thuộc Khoa Điện, cho thấy HSSV của nhà trường được cung cấp đầy đủ các thông tin như trên (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ các văn bản: Luật giáo dục nghề nghiệp 2014; Nghị định số 86/2015/NĐ - CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT - BGDĐT - BTC - BLĐT BXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/ NĐ - CP; Quyết định số 53/2015/ QĐ - TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú; Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT - BGDĐT - BLĐT BXH - BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT - BGDĐT - BLĐT BXH - BTC ngày 28/4/2008 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ - TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 14/9/2007 về chính sách học bổng đối với HSSV tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc diện chính sách, Nhà trường có Quyết định số 189/QĐ - CĐCN ngày 03/05/2017 v/v ban hành hướng dẫn việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng. Trong hướng dẫn có quy trình thực hiện chế độ trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi, chính sách nội trú và miễn, giảm học phí đối với HSSV; các mẫu đơn đề nghị hưởng các chính sách, mẫu đơn xin miễn học phí... (BS 6.1.01 - Quyết định số 189/QĐ - CĐCN ngày 03/05/2017 v/v ban hành hướng dẫn việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Từ các quy định trên, vào đầu năm học phòng Công tác HSSV tổng hợp danh sách và hồ sơ học sinh, sinh viên được hưởng các chế độ, chính sách sau đó tham mưu với Lãnh đạo nhà trường thành lập Hội đồng để xét, trình Hiệu trưởng xét duyệt và công bố cho học sinh, sinh viên và các bộ phận liên quan thực hiện (BS 6.2.01 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng xét miễn giảm học phí đối với HSSV hàng năm; Biên bản họp xét; BS 6.2.02 - Bảng thống kê các chế độ thực hiện chính sách ưu đãi đối với HSSV trong nhà trường). Các chính sách HSSV của nhà trường nói chung và HSSV nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng nói riêng được hưởng như: chính sách miễn 100% học phí với đối tượng tốt nghiệp THCS đăng ký học nghề; chính sách miễn, giảm học phí với đối tượng chính sách xã hội; chính sách nhận học bổng khuyến khích học tập; chính sách ưu tiên được ở ký túc xá đối với HSSV ở vùng sâu, xa, biên giới hải đảo, HSSV bị khuyết tật, hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn làm thủ tục vay vốn ngân hàng (6.2.01 - Quyết định miễn, giảm học

phí cho SV 2017 - 2019; BS 6.2.03 - Danh sách HSSV được miễn giảm học phí năm học 2017 - 2018, năm học 2018 - 2019, năm học 2019 - 2020; 6.2.04 - Danh sách SV đối tượng chính sách được miễn phí ở KTX; 6.2.05 - Danh sách SV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn ngân hàng).

Ngoài ra trong Quy chế công tác học sinh, sinh viên của nhà trường, tại Điều 16, Chương V có quy định về nội dung, hình thức khen thưởng học sinh, sinh viên như: 1. Khen thưởng đột xuất với cá nhân và tập thể lớp HSSV có thành tích xuất sắc như: Đạt giải trong kỳ thi tay nghề các cấp; Thi văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao và các cuộc thi tài năng khác; Đóng góp trong công tác Đoàn, Hội được khen thưởng ... và các thành tích đặc biệt khác. 2. Khen thưởng định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp HSSV được tiến hành vào cuối năm học, khoá học. Chính sách khuyến khích, khen thưởng của nhà trường đối với HSSV đạt thành tích còn được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của nhà trường (6.2.06 - Quy chế chi tiêu nội bộ; 6.2.07 - Quy chế học sinh sinh viên). Trên cơ sở các quy định, căn cứ vào kết quả học tập, rèn luyện hoặc các thành tích xuất sắc của HSSV nhà trường đã thực hiện khen thưởng, động viên, khích lệ kịp thời cho HSSV. Trong 03 năm học 2018; 2019 và năm 2020, đã khen thưởng cho 25 tập thể lớp, 69 em HSSV có thành tích xuất sắc nhất trong năm học; 45 em HSSV nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Điện lạnh, có kết quả học tập và rèn luyện tốt nhất được Tập đoàn LG thông qua Tổ chức tầm nhìn thế giới, hỗ trợ học bổng với số tiền là 270.000.000 đồng; Khen thưởng 08 sinh viên đã đạt giải cao trong Hội thi tay nghề trẻ Hải Phòng trong đó có 06 sinh viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (6.2.02 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập, kèm theo danh sách HSSV; 6.2.03 - Quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng của đơn vị tài trợ; 6.2.08 - Quyết định, danh sách tập thể lớp và HSSV được khen thưởng trong 3 năm từ 2018 - 2020; 6.2.09 - Quyết định, danh sách sinh viên được khen thưởng Hội thi tay nghề trẻ thành phố Hải Phòng).

Qua báo cáo hàng năm của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức đều cho thấy hàng năm nhà trường thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho HSSV, thực hiện chính sách khen thưởng, học bổng cho HSSV (BS 6.2.04 - Báo cáo tại hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm: 2018, 2019, 2020 của nhà trường).

Qua phỏng vấn người học, người học tốt nghiệp đã đi làm cho thấy nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định, thực hiện tốt khen thưởng và học bổng cho HSSV (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường đã cung cấp cho HSSV các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm bằng nhiều hình thức như:

- Đăng các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, có nhu cầu tuyển dụng lao động kỹ thuật trên website của nhà trường tại địa chỉ: hpic.edu.vn (BS 6.3.01 - Hình ảnh chụp giao diện website của nhà trường có đăng thông tin tuyển dụng lao động, việc làm);

- Công khai thông tin tuyển dụng trên các bảng tin, tại góc việc làm của Phòng Công tác sinh viên và các vị trí sinh viên có thể tiếp cận dễ nhất (BS 6.3.02 - Hình ảnh chụp bảng tin góc việc làm của Phòng Công tác sinh viên và các vị trí của nhà trường có treo các thông tin tuyển dụng).

- Lập danh sách đăng ký tìm việc làm của sinh viên các lớp với đầy đủ các thông tin cá nhân, ngành nghề, SĐT liên lạc... gửi các doanh nghiệp, tổ chức, các nhân có nhu cầu tuyển dụng lao động kỹ thuật theo nghề lựa chọn, giúp các doanh nghiệp có thể trực tiếp trao đổi với sinh viên khi có nhu cầu (6.3.05 - Danh sách sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường tư vấn việc làm gửi các Doanh nghiệp).

- Nhà trường phối kết hợp với một số công ty, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, tổ chức trực tiếp về trường để tư vấn việc làm cho HSSV của nhà trường như Công ty LG Display, Công ty TNHH Công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam, Công ty lốp xe Bridgestone, Công ty TNHH Rorzerobotech ...; Hội thảo với Tập đoàn Trường Cao đẳng Anabuki cấp học bổng cho sinh viên trường (BS 6.3.03 - Các kế hoạch tư vấn việc làm; Hình ảnh chụp các buổi tư vấn việc làm tại Hội trường).

- Tổ chức cho doanh nghiệp phỏng vấn tuyển dụng sinh viên ngay tại lễ bế giảng của nhà trường (6.3.01 - Kế hoạch tổ chức lễ tốt nghiệp hàng năm (trong đó có nội dung tư vấn việc làm sau đào tạo; 6.3.02 - Thông báo tuyển dụng của các Doanh nghiệp);

- Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch phối hợp tham gia Hội chợ việc làm cho HSSV, cụ thể:

+ Năm 2018: Tham gia Hội chợ việc làm với Công ty Kyocera tại khu công nghiệp Vsip Thủy Nguyên, Hải Phòng;

+ Năm 2019: Tham gia Hội chợ việc làm tại Trường Đại học Hàng Hải Việt nam, thành phố Hải Phòng;

+ Năm 2020: Tham gia Hội chợ việc làm (tại Sàn giao dịch việc làm thành phố Hải Phòng).

Thông qua Hội chợ việc làm, HSSV được tiếp xúc với các nhà tuyển dụng lao động qua các hình thức giao lưu giữa doanh nghiệp và HSSV, doanh nghiệp trao đổi về chương trình đào tạo và nhu cầu tuyển dụng lao động, phỏng vấn và trực tiếp tuyển dụng HSSV tạo điều kiện cho HSSV tìm kiếm được việc làm sau đào tạo (6.3.03 - Kế hoạch tham gia

Hội chợ việc làm; 6.3.04 - Chương trình phỏng vấn tuyển dụng sinh viên của các Doanh nghiệp; BS 6.3.04 - Danh sách các công ty tham gia hội trợ việc làm hàng năm). Sau mỗi đợt tham gia hội chợ việc làm nhà trường đều có báo cáo kết quả tham gia hội trợ việc làm (BS 6.3.05 - Báo cáo kết quả tham gia hội trợ việc làm hàng năm).

Kết quả của việc tư vấn việc làm hàng năm và kết quả phối hợp tổ chức hội trợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng hàng năm được thể hiện trong báo cáo của phòng công tác HSSV (BS 6.3.06 - Báo cáo tổng kết năm của phòng Công tác HSSV; 6.3.05 - Danh sách sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường tư vấn việc làm gửi các doanh nghiệp).

Phỏng vấn các doanh nghiệp, người học tốt nghiệp đã đi cho thấy nhà trường đã thực hiện tốt công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho HSSV (*Biên bản phỏng vấn kèm theo*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát minh chứng và khảo sát thực tế tại cơ sở, đoàn nhận thấy Trường có các khu vực cho người học tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, giúp nâng cao thể chất và rèn luyện sức khỏe sau giờ học của học sinh sinh viên cụ thể trường có cây xanh, ghế đá, sân bóng chuyền, sân bóng đá mini, khu tập thể dục dụng cụ, sân cầu lông, nhà thi đấu bóng bàn phục vụ cho sinh viên sau giờ học (BS 6.4.01 - Phối cảnh tổng thể mặt bằng trường; BS 6.4.02 - Ảnh chụp khu sân chơi, bãi tập, khuôn viên của nhà trường).

Phòng công tác học sinh, sinh viên phối hợp với Đoàn thanh niên của nhà trường đã tổ chức nhiều các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV của nhà trường nói chung và của HSSV nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng nói riêng, tiêu biểu như:

+ Tham gia Hội thi tay nghề các cấp;

+ Tham gia Hội diễn các tiết mục văn nghệ, ảo thuật biểu diễn chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập trường 25/6 hàng năm;

+ Tham gia các giải thi đấu bóng đá HSSV, cờ vua, kéo co do Nhà trường tổ chức. Tham gia giải bóng đá HSSV Khối thi đua các trường ĐH&CD Hải Phòng đạt các giải nhì, giải ba....

+ Tham gia Hội thi nấu ăn, Hội thi cán bộ công đoàn giỏi ngành Công thương thành phố đạt các giải nhì, ba, khuyến khích...

(6.4.01 - Kế hoạch tham gia Hội thi tay nghề các cấp kèm theo danh sách SV dự thi;
 6.4.02 - Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ hàng năm kèm theo video clip + Hình ảnh hội diễn văn nghệ; 6.4.03 - Kế hoạch tổ chức thi đấu thể dục thể thao kèm theo cờ, cúp lưu niệm, giấy khen các loại; 6.4.04 - Kế hoạch Hội thi nấu ăn, Hội thi công đoàn giỏi ngành công thương thành phố kèm theo giấy khen các loại).

Trong báo cáo hàng năm của Đoàn thanh niên, của phòng Công tác HSSV đều cho thấy Nhà trường đã thực hiện tốt các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV (BS 6.4.03 - Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019; 2019 - 2020; BS 6.3.06 - Báo cáo tổng kết năm của phòng Công tác HSSV).

Qua phỏng vấn người học, người học tốt nghiệp đã đi làm cho thấy nhà trường đã thực hiện tốt công tác tổ chức các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

TIÊU CHÍ 7: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 7	14 (Mười bốn) điểm	14 (Mười bốn) điểm
Tiêu chuẩn 7.1	2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm
Tiêu chuẩn 7.2	2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm
Tiêu chuẩn 7.3	2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm
Tiêu chuẩn 7.4	2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm
Tiêu chuẩn 7.5	0 (Không) điểm	2 (Hai) điểm
Tiêu chuẩn 7.6	2 (Hai) điểm	0 (Không) điểm
Tiêu chuẩn 7.7	2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm
Tiêu chuẩn 7.8	2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	87,5 %	87,5 %

2. Các điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến

ngành Điện công nghiệp trình độ cao đẳng, phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường.

3. Các điểm cần cải thiện:

Nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN:

Nhà trường cần có kế hoạch cụ thể để thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát thực tế hồ sơ minh chứng Đoàn nhận thấy công tác thu thập ý kiến doanh nghiệp được phòng Đào tạo của Nhà trường tổ chức thực hiện. Hàng năm, căn cứ vào danh sách sinh viên tốt nghiệp đi làm tại các doanh nghiệp, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát, tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp đang sử dụng người lao động là cựu sinh viên của trường về mức độ đáp ứng công việc của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua nhiều phương pháp khác nhau như: gửi thư qua gmail, gửi phiếu khảo sát trực tiếp cho doanh nghiệp khi thực hiện khảo sát hoặc lấy ý kiến trực tiếp khi doanh nghiệp đến trường tuyển dụng (7.1.01 - Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, kèm theo danh sách người học đang làm việc tại Doanh nghiệp; 7.1.02 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 7.1.01 - Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020). Sau khi thu các phiếu khảo sát, phòng Đào tạo thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát, qua đó giúp Trường có cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp (BS 7.1.02 - Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; BS 7.1.03 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020).

Xem xét hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy: năm 2018 có 10/10 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến, có tổng số 43 sinh viên đang làm việc tại 10 doanh nghiệp; năm 2019 là 10/10 doanh nghiệp, có tổng số 38 sinh viên đang làm việc tại 10 doanh nghiệp; năm 2020 là 10/10 doanh nghiệp, có tổng số 34 sinh viên đang làm việc tại 10 doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy:

+ Năm 2018 có 90% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá hài lòng với mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp, 100% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

+ Năm 2019 có 90% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá hài lòng với mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp, 100% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

+ Năm 2020, có 100% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá hài lòng với mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp, 100% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Phòng vấn các doanh nghiệp, Đoàn nhận được câu trả lời là doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của cựu sinh viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đang làm việc tại doanh nghiệp.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát thực tế hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy: thông tin của sinh viên như số điện thoại, địa chỉ liên hệ, gmail, facebook, zalo được phòng Công tác học sinh, sinh viên tổng hợp từ các giáo viên chủ nhiệm để làm cơ sở để thực hiện lần vết sau khi tốt nghiệp. Hằng năm, Nhà trường có xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra lần vết đối với 100% HSSV tốt nghiệp nhằm thu thập ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp về tình hình việc làm, đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình, vị trí việc làm thông qua nhiều hình thức khác nhau như: điện thoại, hỏi qua gmail, facebook, zalo. Sau đó tổng hợp, phân tích số liệu và báo cáo (7.1.02 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; 7.2.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp + Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 7.2.02 - Bộ phiếu khảo sát lần vết tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; BS 7.2.01 - Danh sách và thông tin sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; BS 7.2.02 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2017, 2018, 2019; BS 7.2.03 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát lần vết tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020).

Xem xét báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát, Đoàn nhận thấy:

+ Năm 2018, có 82/82 sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát, kết quả: có 94% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo; có 89% cựu sinh viên đánh giá Nhà trường có chất lượng đào tạo tốt; có 87% cựu sinh viên đánh giá chương trình đào tạo phù hợp với vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

+ Năm 2019, có 65/65 sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát, kết quả: có 95% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo; có 94% cựu sinh viên đánh giá Nhà trường có chất lượng đào tạo tốt; có 92% cựu sinh viên đánh giá chương trình đào tạo phù hợp với vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

+ Năm 2020, có 58/58 sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát, kết quả: có 93% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo; có 91% cựu sinh viên đánh giá Nhà trường có chất lượng đào tạo tốt; có 91% cựu sinh viên đánh giá chương trình đào tạo phù hợp với vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

Phòng vấn cựu sinh viên, Đoàn nhận được câu trả lời là 100% sinh viên ra trường đều có việc làm và đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường đáp ứng yêu cầu công việc của nghề; chương trình đào tạo phù hợp với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, CBQL về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy, hằng năm, Nhà trường có xây dựng kế hoạch, lập danh sách và tổ chức thu thập ý kiến đánh giá 100% cán bộ quản lý của khoa Điện, CBQL các đơn vị có liên quan (lãnh đạo phòng Đào tạo, phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tài vụ, Phòng Quản trị - Đời sống, Phòng Công tác HSSV, khoa Cơ bản, khoa Điện tử, khoa Cơ khí, khoa Công nghệ thông tin, khoa Điện tử và 100% giáo viên trực tiếp giảng dạy chương trình Điện công nghiệp) về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL thông qua phiếu khảo sát, sau đó tổng hợp báo cáo để làm cơ sở điều chỉnh các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động cho phù hợp với thực tế (7.1.02 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; 7.3.01 - Bộ phiếu khảo sát nhà giáo, CBQL năm 2018, 2019, 2020; BS 7.3.01 - Danh sách nhà giáo, CBQL tham gia khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 7.3.02 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2017, 2018, 2019; BS 7.3.03 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, CBQL năm 2018, 2019, 2020).

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy năm 2018 có 24 CBQL & GV được khảo sát ý kiến; 2019 là 23; năm 2020 là 23. Kết quả như sau:

Năm 2018, có 88% hài lòng với công tác dạy và học, 83% hài lòng với công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, 88% hài lòng với công tác bồi dưỡng, 88% hài lòng với công tác phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL;

Năm 2019, có 87% hài lòng với công tác dạy và học, 74% hài lòng với công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, 74% hài lòng với công tác bồi dưỡng, 87% hài lòng với công tác phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL;

Năm 2020, có 87% hài lòng với công tác dạy và học, 87% hài lòng với công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, 87% hài lòng với công tác bồi dưỡng, 83% hài lòng với công tác phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL.

Phòng vấn CBQL và nhà giáo, Đoàn nhận thấy: 100% CBQL và nhà giáo thấy hài lòng về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL của Trường trong những năm qua và hiện nay.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã giao cho phòng Đào tạo phối hợp với giáo viên chủ nhiệm thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học tại các buổi sinh hoạt lớp. Hằng năm, có xây dựng kế hoạch và lấy ý kiến người học về đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy:

+ Năm 2018: khảo sát 100 sinh viên trên tổng số 170 sinh viên đang học, đạt 58,8%. Kết quả: có 92% hài lòng với hình thức, phương thức đào tạo của trường; 89% hài lòng với chất lượng giảng dạy; 93% hài lòng với việc thực hiện chế độ, chính sách của trường; 93% hài lòng với chất lượng dịch vụ phục vụ người học.

+ Năm 2019: khảo sát 90 sinh viên trên tổng số 146 sinh viên đang học, đạt 61,6%. Kết quả: có 95% hài lòng với hình thức, phương thức đào tạo của trường; 95% hài lòng với chất lượng giảng dạy; 93% hài lòng với việc thực hiện chế độ, chính sách của trường; 92% hài lòng với chất lượng dịch vụ phục vụ người học.

+ Năm 2020: khảo sát 79 sinh viên trên tổng số 136 sinh viên đang học, đạt 58,1%. Kết quả: có 95% hài lòng với hình thức, phương thức đào tạo của trường; 92% hài lòng với chất lượng giảng dạy; 94% hài lòng với việc thực hiện chế độ, chính sách của trường; 91% hài lòng với chất lượng dịch vụ phục vụ người học

(7.1.02 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; 7.4.01 - Bộ phiếu khảo sát sinh viên năm 2018, 2019, 2020; BS 7.4.01 - Danh sách sinh viên tham gia khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 7.4.02 - Danh sách sinh viên các lớp đang học năm 2018, 2019, 2020; BS

7.4.03 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2017, 2018, 2019; BS 7.4.04 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020).

Phòng vấn trực tiếp cựu sinh viên và sinh viên đang học, Đoàn cũng nhận được câu trả lời là HSSV hài lòng với việc thực hiện chế độ chính sách, tư vấn việc làm và dịch vụ người học của Nhà trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng, Đoàn thấy: Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định tại thông tư số 28/2017/TT - BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐT BXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ - TB&XH (7.5.01 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 7.5.02 - Hồ sơ minh chứng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, gồm: Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Điện công nghiệp năm 2018, 2019, 2020, Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo Điện công nghiệp năm 2018, 2019, 2020, Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Điện công nghiệp năm 2018, 2019, 2020).

Qua phỏng vấn nhanh Lãnh đạo phòng Đào tạo cho biết: Sau khi thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo xong, Nhà trường đã công khai báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trên trang website của trường. Kiểm tra trên trang website của trường theo địa chỉ <http://www.hpvc.edu.vn/>, Đoàn thấy: Nhà trường đã thực hiện công khai báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Điện công nghiệp năm 2018, năm 2019 và năm 2020.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
0 (Không) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường không có minh chứng để chứng minh việc Nhà trường có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo.

Phòng vấn lãnh đạo Nhà trường, Đoàn nhận thấy: Hằng năm, Nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo Điện công nghiệp trên cơ sở kết quả tự đánh giá của Nhà trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7. 6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường có xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra lần vết đối với 100% HSSV tốt nghiệp nhằm thu thập ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp về tình hình việc làm, đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình, vị trí việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp thông qua nhiều hình thức khác nhau như: điện thoại, hỏi qua gmail, facebook, zalo. Kết quả cho thấy khảo sát cựu sinh viên đang làm việc tại các doanh nghiệp cho thấy: tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo đạt trên 80%, cụ thể như sau:

Năm 2018, có 82/82 sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát, đạt 100%. Kết quả: có 94% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo;

Năm 2019, có 65/65 sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát, đạt 100%. Kết quả: có 95% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo;

Năm 2020, có 58/58 sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát, đạt 100%. Kết quả: có 93% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo

(7.1.02 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; 7.2.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp + Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 7.2.02 - Bộ phiếu khảo sát lần vết tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; BS 7.2.01 - Danh sách và thông tin sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; BS 7.2.02 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2017, 2018, 2019; BS 7.2.03 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát lần vết tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020).

Phòng vấn cựu sinh viên đã đi làm, Đoàn nhận được câu trả lời là 100% sinh viên ra trường đều có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của các doanh nghiệp về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp đối với cựu sinh viên đang làm việc tại doanh nghiệp.

Xem xét hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy:

Năm 2018, có 10/10 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến, có tổng số 43 sinh viên đang làm việc tại 10 doanh nghiệp. Kết quả: có 80% hài lòng về kiến thức, 90% hài lòng về kỹ năng và 90% hài lòng về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp;

Năm 2019, có 10/10 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến, có tổng số 38 sinh viên đang làm việc tại 10 doanh nghiệp. Kết quả: có 90% hài lòng về kiến thức, 100% hài lòng về kỹ năng và 90% hài lòng về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp;

Năm 2020, có 10/10 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến, có tổng số 34 sinh viên đang làm việc tại 10 doanh nghiệp. Kết quả: có 90% hài lòng về kiến thức, 100% hài lòng về kỹ năng và 90% hài lòng về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp

(7.1.01 - Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, kèm theo danh sách người học đang làm việc tại Doanh nghiệp; 7.1.02 - Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020; BS 7.1.01 - Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; BS 7.1.02 - Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; BS 7.1.03 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020).

Phòng vấn các doanh nghiệp, Đoàn nhận được câu trả lời là doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của cựu sinh viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đang làm việc tại doanh nghiệp.

Do Tiêu chuẩn 1 - Tiêu chí 7 Đạt, Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (Hai) điểm	2 (Hai) điểm

PHẦN III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Điểm mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài

- Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng phù hợp mục tiêu đào tạo của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động.

- Trường có định mức chi cho đào tạo từ các nguồn thu hợp pháp nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng.

- Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định, thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan; tuyển sinh các năm đạt từ 80% trở lên chỉ tiêu được giao.

- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng nội dung, chương trình đã được phê duyệt. Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo nghiêm túc, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù của ngành nghề và mục tiêu đào tạo, đảm bảo tính khoa học.

- Trường có phần mềm Quản lý đào tạo nhằm nâng cao công tác quản lý đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo thực sự khoa học, kiểm soát tốt tiến độ thực hiện giảng dạy trong từng học kỳ, năm học và khóa học.

- Đội ngũ nhà giáo, CBQL khoa Điện của Trường đáp ứng yêu cầu quy mô đào tạo, có trình độ đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; tâm huyết nghề nghiệp; luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các bộ chương trình nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng của nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp, có sự tham gia biên soạn, chỉnh sửa và đóng góp ý kiến của toàn thể các giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các khoa chuyên môn, đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng, phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

- Trường đảm bảo đủ chủng loại và số lượng thiết bị theo quy định, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, có một số thiết bị có công nghệ hiện đại tương đương với trình độ sản xuất tại doanh nghiệp.

- Trường có thư viện điện tử, được nối mạng Internet tốc độ cao, có hệ thống máy tính trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, có đầy đủ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo và được số hóa tích hợp với thư viện điện tử, phục vụ tốt nhu cầu tra cứu tài liệu của đội ngũ cán bộ, nhà giáo, HSSV.

- Trường có đầy đủ các văn bản hướng dẫn về chế độ chính sách và thực hiện các chế độ chính sách cho người học nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng.

- Trường đã thực hiện tốt công tác hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người học.

2. Điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài

- Nhà trường chưa đảm bảo 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp được thực hành, thực tập tại doanh nghiệp phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

- Khoa chưa đảm bảo 100% nhà giáo tham gia thực tập tại doanh nghiệp hằng năm theo quy định.

- Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng chưa đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Trường chưa có kế hoạch cụ thể để thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

3. Đề xuất, kiến nghị:

*** Đề xuất, kiến nghị với cơ sở giáo dục nghề nghiệp:**

- Trường cần liên kết, phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp để đảm bảo 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với nghề đào tạo.

- Từ năm học 2020 - 2021, Trường cần xây dựng kế hoạch bố trí để 100% nhà giáo được tham gia thực tập tại doanh nghiệp, cập nhật những công nghệ mới, áp dụng vào công tác giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Trong những năm tới, Trường nên phối hợp với các trường đại học kỹ thuật rà soát chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông lên đại học để tạo điều kiện cho người học được học lên trình độ cao hơn.

- Trường nên có kế hoạch cụ thể để thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

*** Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan khác: Không có./.**

**Phụ lục 1: KẾT QUẢ KIỂM TRA MINH CHỨNG SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
VÀ MINH CHỨNG BỔ SUNG**

1. Kiểm tra minh chứng sử dụng trong Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các TC,TC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ...)
						Hợp lệ	Không hợp lệ	
1	1	1	1.1.01		Đề án thành lập Trường CDN Công nghiệp Hải Phòng		x	Không phù hợp với nội hàm
2			1.1.02		Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhà trường nhiệm kỳ 2015-2020; Quyết định số 1594/QĐ-UBND, ngày 08/7/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 14 thuộc Dự án “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp”	x		
3			1.1.03		Chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp	x		
4			1.1.04		Quyết định số 1836/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH phê duyệt ngành nghề trọng điểm, trường được chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025	x		
5			1.1.05		Kết luận số 07-KL/TU, ngày 05/12/2013 của Ban Thường vụ Thành ủy	x		
6			1.1.06		Quy hoạch phát triển công nghiệp Hải Phòng giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2025	x		

7			1.1.07		Các thông báo tuyển dụng của các đơn vị tuyển dụng lao động	x		
8			1.1.08		Danh sách doanh nghiệp hợp tác với trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, Biên bản ghi nhớ hợp tác	x		
9			1.1.09		Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
10			1.1.10		Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các bộ chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng kèm theo	x		
11			1.1.11		Biểu tổng hợp HSSV tốt nghiệp từ năm 2017-2019	x		
12			1.1.12		Thông tin việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp; Phiếu điều tra khảo sát của các doanh nghiệp		x	Không phù hợp với nội hàm
13		2	1.2.01		Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng, ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-SCT, ngày 11/6/2009 của Sở Công thương Hải Phòng		x	Không phù hợp với nội hàm
14			1.2.02		Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP, ngày 03/4/2018 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng.		x	Không phù hợp với nội hàm
15			1.2.03		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Điện	x		
16			1.2.04		Các biên bản thanh kiểm tra các cấp		x	Không phù hợp với nội hàm
17			1.2.05		Quyết định CĐCNHP về việc phê duyệt thiết bị dạy nghề tự làm		x	Không phù hợp với nội hàm
18			1.2.06		Quyết định CĐCNHP Phê duyệt Chương trình đào tạo nghề điện Công nghiệp năm 2017; Quyết định CĐCNHP Phê duyệt Chương	x		Trùng MC

				trình đào tạo nghề điện Công nghiệp năm 2019			1.1.10
19			1.2.07	Kế hoạch Hội giảng cấp khoa	x		
20			1.2.08	Kế hoạch Hội giảng cấp Trường	x		
21			1.2.09	Bảng khen nhà giáo đạt giải tại các hội giảng Nhà giáo GDNN cấp thành phố và cấp quốc gia	x		
22			1.2.10	Phiếu lấy ý kiến các đơn vị/doanh nghiệp sử dụng lao động các năm 2018, 2019, 2020 và phiếu tổng hợp ý kiến; Phiếu lấy ý kiến của HSSV các năm 2018, 2019, 2020 về chương trình đào tạo và phiếu tổng hợp ý kiến.	x		
23	2	1	2.1.01	Quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
24			2.1.02	Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh năm học 2017- 2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
25			2.1.03	Thông báo tuyển sinh	x		
26			2.1.04	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh	x		
27			2.1.05	Hồ sơ đăng ký học nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
28			2.1.06	Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
29			2.1.07	Danh sách học sinh nhập học và quyết định mở lớp các năm từ 2017-2020 nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng các năm từ 2017-2020	x		
30		2	2.2.01	Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo	x		
31			2.2.02	Kế hoạch nhà giáo	x		
32			2.2.03	Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo	x		
33			2.2.04	Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo từ năm 2017-2019	x		
34		3	2.3.01	Hồ sơ bài giảng của nhà giáo tham gia hội giảng hàng năm	x		
35			2.3.02	Phiếu đánh giá bài giảng của nhà giáo	x		
36			2.3.03	Hợp đồng mua phần mềm EDUMAN kèm theo biên bản nghiệm	x		

				thu, bàn giao đưa vào sử dụng			
37			2.3.04	Hợp đồng cung cấp thiết bị mô phỏng, phần mềm nghề công nghiệp kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao	x		
38		4	2.4.01	Hợp đồng/Biên bản thỏa thuận về việc cho SV thực tập tại Doanh nghiệp nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
39			2.4.02	Kế hoạch tổ chức cho SV đi thực tập tại doanh nghiệp (Kèm theo hình ảnh)	x		
40			2.4.03	Quyết định cử đội ngũ nhà giáo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng đưa SV đi thực tập tại doanh nghiệp kèm theo danh sách SV	x		
41			2.4.04	Báo cáo kết quả thực tập của SV tại Doanh nghiệp	x		
42		5	2.5.01	Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập kèm theo quy chế sửa đổi theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTĐBXH	x		
43			2.5.02	Quy chế công tác HSSV của trường	x		
44			2.5.03	Quy định quản lý văn bằng chứng chỉ của trường kèm theo quy định sửa đổi, cập nhật theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTĐBXH	x		
45			2.5.04	Biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm (trong đó có nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng)	x		
46			2.5.05	Hồ sơ học nghề của SV điện công nghiệp - trình độ cao đẳng từ năm 2017 - 2019	x		
47		6	2.6.01	Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm	x		
48			2.6.02	Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm			
49			2.6.03	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm (trong đó có nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng)	x		

50		7	2.7.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHH-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017	x		
51			2.7.02		Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông của Trường	x		
52			2.7.03		Chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
53			2.7.04		Quyết định thành lập các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng kèm theo danh sách SV từ năm 2017 - 2019	x		
54			2.7.05		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của trường	x		
55			2.7.06		Biên bản thanh, kiểm tra công tác tổ chức đào tạo liên thông của trường	x		
56	3	1	3.1.01		Hồ sơ, kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu	x		
57			3.1.02		Văn bản/tài liệu/hồ sơ đánh giá nhà giáo 3 năm	x		
58			3.1.03		Danh sách trích ngang nhà giáo; chứng chỉ tin học	x		
59			3.1.04		Danh sách trích ngang nhà giáo; chứng chỉ ngoại ngữ	x		
60			3.1.05		Danh sách trích ngang nhà giáo; chứng chỉ sư phạm	x		
61			3.1.06		Chuẩn bị theo quy định tại các tiêu chuẩn trong TT 08		x	Không có MC Không có MC
1.			3.1.06		Chuẩn bị theo nội dung các tiêu chuẩn quy định tại thông tư 08		x	
62			3.1.07		Danh sách các môn học mô-đun được phân công giảng dạy cho giáo viên, giảng viên	x		
63			3.1.08		Hồ sơ về việc kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo của các khoa và thực hiện nhiệm vụ của giảng viên năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019; 2019 - 2020	x		
64			3.1.09		Kết luận về việc kiểm tra công tác thực hiện nhiệm vụ của các khoa chuyên môn và giảng viên.	x		
65		2	3.2.01		Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		

66			3.1.01	Hồ sơ quản lý nhà giáo	x		
67		3.2.02		Phân công giảng viên giảng dạy các năm học 2018, 2019, 2020	x		
68		3.2.03		Phân công nhiệm vụ giảng viên các năm 2018, 2019, 2020.	x		
69		3.2.04		Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm 2018, 2019, 2020	x		
70		3.2.05		Quyết định công nhận kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho tập thể, cá nhân năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
71		3.2.06		Báo cáo tổng kết công tác các năm 2017, 2018, 2019 của Nhà trường.	x		
72		3.2.07		Kế hoạch Ban giám hiệu Trường về kiểm tra việc chấp hành các quy định về công tác đào tạo của các Khoa và giảng viên năm học 2017 -2020.	x		
73		3.2.08		Quyết định thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao các phòng, khoa chuyên môn năm 2017- 2020	x		
74		3.2.09		Quyết định thành lập đoàn kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo năm học 2017 - 2020	x		
75		3.2.10		Biên bản thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2020.	x		
76		3	3.3.01	Chương trình đào tạo	x		
77			2.2.01	Kế hoạch giảng dạy hàng năm trong 3 năm	x		
78			3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo	x		
79		3.3.02		Danh sách HSSV; các QĐ mở lớp 2017, 2018, 2019	x		
80			3.1.01	Danh sách nhà giáo	x		
81			3.3.02	Danh sách HSSV	x		
82		3.3.03		Bảng tính quy đổi giáo viên, HSSV		x	Không có MC
83		4	3.1.01	Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy môn chuyên ngành nghề của khoa	x		

					thuộc chương trình đào tạo Điện Công nghiệp			
84			3.4.01		Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy môn chuyên ngành nghề, nghề tham gia NCKH, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm	x		
85			3.4.02		Tài liệu, hình ảnh tham gia các Hội thi thiết bị tự làm	x		
86			3.4.03		Các Quyết định về việc công nhận Đề tài - sáng kiến cấp cơ sở năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
87		5	3.5.01		Kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho nhà giáo cơ hữu năm 2017, 2018, 2019	x		
88			3.5.02		Quyết định cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy. năm 2017, 2018, 2019	x		
89			3.5.03		Văn bản/tài liệu về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019	x		
90			3.5.04		Báo cáo kết quả của các khoá học, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019	x		
91			3.5.05		Ý kiến của các đối tượng có liên quan về khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ		x	Không phù hợp với nội hàm
92		6		3.1.01	Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành	x		
93			3.6.01		Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019		x	Không phù hợp với nội hàm
94			3.6.02		Văn bản/tài liệu về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
95				3.2.06	Báo cáo của nhà trường năm 2017, 2018, 2019 có nội dung về việc thực tập của nhà giáo	x		

96			3.6.03		Ý kiến của các đối tượng có liên quan về việc được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động		x	Không phù hợp với nội hàm
97		7		3.1.01	Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo năm 2017, 2018, 2019; Hồ sơ quản lý nhà giáo	x		
98			3.7.01		Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
99				2.2.02	Danh sách các môn học mô-đun được phân công giảng dạy cho giáo viên, giảng viên	x		
100			3.7.02		Hồ sơ về việc kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo của các khoa và thực hiện nhiệm vụ của giảng viên năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019; 2019-2020	x		
101			3.7.03		Kết luận về việc kiểm tra công tác thực hiện nhiệm vụ của các khoa chuyên môn và giảng viên	x		
102			3.7.04		Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. CBQL, viên chức, người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
103				3.1.01	Danh sách trích ngang CBQL và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề ĐCN; Hồ sơ quản lý nhà giáo giảng dạy nghề ĐCN.	x		
104		8		3.1.01	Danh sách trích ngang CBQL và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề ĐCN; Hồ sơ quản lý nhà giáo giảng dạy nghề ĐCN.	x		
105	4	1	4.1.01		Quyết định về việc thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
106			4.1.02		Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng.	x		

107			4.1.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
108			4.1.04		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
109			4.1.05		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
110			4.1.06		Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo		x	Quyết định ban hành này nằm trong 4.1.05
111			4.1.07		Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết		x	Quyết định ban hành này nằm trong 4.1.05
112			4.1.08		Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo	x		
113	4	2		4.1.01	Quyết định số về việc thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
114				4.1.02	Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng.	x		
115				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
116				4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
117				4.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
118			4.2.01		Phiếu đánh giá, phản biện về chương trình đào tạo của đại diện doanh nghiệp	x		
119	4	3		4.1.01	Quyết định về việc thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
120				4.1.02	Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp	x		

					trình độ cao đẳng.			
121				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
122				4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
123				4.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
124	4	4		4.1.02	Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
125				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
126				4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
127				4.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
128	4	5		4.1.02	Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng.	x		
129				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
130				4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
131				4.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
132			4.5.01		Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của người học đã tốt nghiệp, đội ngũ nhà giáo, CBQL	x		
133			4.5.02		Phiếu khảo sát	x		
134			4.5.03		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát	x		
135	4	6		4.1.02	Hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
136				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
137				4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
138				4.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		

139				4.5.01	Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của người học đã tốt nghiệp, đội ngũ nhà giáo, CBQL	x		
140				4.5.02	Phiếu khảo sát	x		
141				4.5.03	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát	x		
142	4	7		4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
143				4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
144				4.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
145	4	7	4.7.01		Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của người học đã tốt nghiệp, đội ngũ nhà giáo, CBQL, Doanh nghiệp về sự phù hợp của chương trình đào tạo với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ	x		
146			4.7.02		Phiếu khảo sát	x		
147			4.7.03		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát	x		
148	4	8	4.8.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng kèm theo bộ chương trình chi tiết.	x		
149	4	9		4.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng - kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
150			4.9.01		Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) kèm theo bản in các giáo trình	x		
151	4	10	4.10.01		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình	x		
152			4.10.02		Biên bản nghiệm thu từng giáo trình	x		
153			4.10.03		Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình	x		
154				4.9.01	Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) kèm theo bản in các giáo trình	x		
155	4	11		4.10.01	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình	x		

156			4.10.02	Biên bản nghiệm thu từng giáo trình	x		
157			4.10.03	Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình	x		
158			4.11.01	Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của cán bộ, giáo viên, HSSV	x		
159			4.11.02	Phiếu khảo sát	x		
160			4.11.03	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát	x		
161	4	12	4.12.01	Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của các doanh nghiệp	x		
162			4.12.02	Phiếu khảo sát	x		
163			4.12.03	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát	x		
164	5	1	5.1.01	Hồ sơ hoàn công công trình xây dựng nhà thực hành 5 tầng	x		
165			5.1.0.2	Hợp đồng mua bán điện với Chi nhánh điện An Dương	x		
166			5.1.0.3	Hóa đơn thu tiền điện	x		
167			5.1.04	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật 02 trạm biến áp 22KV/0,4KV-320KVA	x		
168			5.1.05	Hợp đồng mua bán nước với Công ty cấp nước	x		
169			5.1.06	Báo cáo tình hình sử dụng điện nước năm 2017; 2018; 2019.	x		
			5.1.07-	Hóa đơn thu tiền nước - Lưu phòng Tài vụ			
170		2	5.2.01	Hồ sơ quản lý phòng học chuyên môn (gồm danh mục các thiết bị; kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa mô hình thiết bị; Biên bản sử lý sự cố...)	x		
171			4.1.05	Khung chương trình đào tạo	x		
172			5.2.02	Danh mục thiết bị theo thông tư 06, 26 của Bộ LĐTB-XH.	x		
173			5.2.03	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp, thực tập sản xuất các lớp Điện công nghiệp năm 2017, 2018, năm 2019	x		
174			5.2.04	Hợp đồng hướng dẫn và quản lý sinh viên thực tập tốt nghiệp.	x		
175		3	5.3.01	Sơ đồ mặt bằng phòng học	x		
176			4.1.05	Khung chương trình đào tạo	x		
177			5.2.02	Danh mục thiết bị theo thông tư 06, 26 của Bộ LĐTB-XH.	x		

178		4		5.3.01	Sơ đồ , bản vẽ, ảnh chụp các phòng học	x		
179				5.2.02	Danh mục các thiết bị của các phòng học, xưởng thực hành	x		
180			5.4.01		Biên bản kiểm tra, xác nhận của cơ quan cấp trên về an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ	x		
181			5.4.02		Khảo sát ý kiến các đối tượng có liên quan		x	Không phù hợp với nội hàm
182			5.4.03		Hồ sơ quản lý phòng học chuyên môn (gồm danh mục các thiết bị; kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa mô hình thiết bị; Biên bản sử lý sự cố...của 15 phòng).			
183			5.4.04		Bảng chấm điểm, đánh giá GV quản lý phòng học chuyên môn; Quyết định phân xếp loại GV hàng năm.	x		
184			5.4.05		Biên bản kiểm kê thiết bị khoa Điện	x		
185		5	5.5.01		Quy định về định mức tiêu hao vật tư đào tạo	x		
186			5.5.02		Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.	x		
187			5.5.03		Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo	x		
188			5.5.04		Số cấp phát vật tư nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm học: 2017 - 2018; 2018-2019, 2019-2020	x		
189		6	5.6.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN	x		
190			5.6.02		Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động thư viện Trường cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
191			5.6.03		Nội quy của thư viện, lịch làm việc của thư viện, nội quy phòng đọc	x		
192			5.6.04		Các quyết định, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun môn học	x		
193			5.6.05		Danh mục đầu sách giáo trình môn học, mô-đun và tài liệu tham	x		

				khảo			
194			5.6.06	Bản in các Giáo trình mô-đun/ môn học các nghề - Lưu các khoa, thư viện	x		
195		7	5.7.01	Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và Công ty Viễn thông	x		
196			5.7.02	Địa chỉ website http://:www.hpvc.edu.vn	x		
197			5.7.03	Báo cáo hoạt động hàng năm của thư viện	x		
198		8	5.8.01	Hợp đồng cung cấp thiết bị mô phỏng, phần mềm nghề công nghiệp kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao	x		
199	6	1	6.1.01	KH/ Quy chế đầu năm	x		
200			6.1.02	Sổ tay SV	x		
201			6.1.03	Bản cam kết của HSSV	x		
202			6.1.04	Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV và GV về việc CC thông tin cho người học hàng năm	x		
203			6.1.05	Báo cáo kết quả lấy ý kiến thăm dò	x		
204	6	2	6.2.01	QĐ miễn giảm học phí năm 2017-2019	x		
205			6.2.02	QĐ cấp học bổng theo DS	x		
206			6.2.03	Quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng của đơn vị tài trợ	x		
207			6.2.04	Danh sách HSSV đối tượng chính sách được miễn phí ở KTX	x		
208			6.2.05	Danh sách HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn ngân hàng	x		
209			6.2.06	Quy chế chi tiêu nội bộ	x		
210			6.2.07	Quy chế học sinh sinh viên	x		
211			6.2.08	Quyết định về việc khen thưởng cho HSSV từ năm 2017 - 2019.	x		
212			6.2.09	Quyết định, danh sách sinh viên được khen thưởng Hội thi tay nghề trẻ thành phố Hải Phòng	x		
213	6	3	6.3.01	Kế hoạch tổ chức lễ tốt nghiệp hàng năm (trong đó có nội dung tư	x		

				vấn việc làm sau đào tạo)			
214			6.3.02	Thông báo tuyển dụng của các Doanh nghiệp	x		
215			6.3.03	Kế hoạch tham gia Hội chợ việc làm	x		
216			6.3.04	Chương trình phỏng vấn tuyển dụng SV của các Doanh nghiệp	x		
217			6.3.05	Danh sách SV tốt nghiệp được Nhà trường tư vấn việc làm gửi các Doanh nghiệp	x		
218	6	4	6.4.01	Kế hoạch tham gia Hội thi tay nghề các cấp kèm theo Danh sách SV dự thi	x		
219			6.4.02	Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ hàng năm kèm theo video clip, Hình ảnh hội diễn	x		
220			6.4.03	Kế hoạch tổ chức thi đấu thể dục thể thao kèm theo cờ, cúp lưu niệm, giấy khen các loại	x		
221			6.4.04	Kế hoạch Hội thi nấu ăn, Hội thi công đoàn giỏi ngành công thương thành phố kèm theo giấy khen các loại	x		
222	7	1	7.1.01	Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, kèm theo danh sách người học đang làm việc tại Doanh nghiệp	x		
223		1	7.1.02	Kế hoạch khảo sát mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp làm việc tại Doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (kèm theo Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019)	x		
224		2	7.2.01	Quyết định công nhận tốt nghiệp + Danh sách SV tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019	x		
225		2	7.2.02	Kế hoạch khảo sát lần vết (kèm theo Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát lần vết từ năm 2017 đến 2019)	x		
226		3	7.3.01	Kế hoạch khảo sát CBQL, nhà giáo về các chính sách liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân	x		

				loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo (kèm theo Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019)			
227	4	7.4.01		Kế hoạch khảo sát đại diện SV nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng giảng dạy; việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (kèm theo Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019)	x		
228	5	7.5.01		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020	x		
229	5	7.5.02		Hồ sơ minh chứng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020	x		
230	6	7.6.01		Kế hoạch nâng cao chất lượng nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020		x	Không có MC
231	6	7.6.02		Báo cáo kết quả nâng cao chất lượng nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng từ năm 2018, 2019, 2020.		x	Không có MC
232	7	7.7.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp + Danh sách SV tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019	x		
233	7	7.7.01		Kế hoạch khảo sát lần vết (kèm theo Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát lần vết từ năm 2017 đến 2019)	x		
234	8	7.8.01		Kế hoạch điều tra khảo sát doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của SV tốt nghiệp làm việc tại Doanh nghiệp (kèm theo Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả điều tra khảo sát từ năm 2017 đến 2019)	x		

2. Kiểm tra minh chứng do Đoàn đánh giá ngoài yêu cầu bổ sung

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
1	1	1	BS 1.1.01	Quyết định số 132/QĐ-CĐCN ngày 03/4/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
2			BS 1.1.02	Quyết định phê duyệt Dự án “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp”	x		
3			BS 1.1.03	Phiếu khảo sát doanh nghiệp về nhu cầu lao động và Báo cáo kết quả khảo sát	x		
4	1	2	BS 1.2.01	Quyết định thành lập khoa Điện	x		
5			BS 1.2.02	Các Quyết định công nhận danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường	x		
6			BS 1.2.03	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
7	1	3	BS 1.3.01	Báo cáo Quyết toán hàng năm	x		
8	2	1	BS 2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 414/2017/GCNĐKHĐ - TCDN ngày 28/12/2017	x		
9			BS 2.1.02	Kế hoạch tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020	x		
10			BS 2.1.03	Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020	x		
11			BS 2.1.04	Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020	x		
12			BS 2.1.05	Quyết định thành lập tổ kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020	x		
13			BS 2.1.06	Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020	x		
14			BS 2.1.07	Kế hoạch khảo sát năm 2018, 2019, 2020	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
15			BS 2.1.08	Bộ phiếu khảo sát 2018, 2019, 2020	x		
16			BS 2.1.09	Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2018, 2019, 2020	x		
17			BS 2.1.10	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020	x		
18	2	2	BS 2.2.01	Hướng dẫn số 405/HD - CĐCNHP, ngày 08/10/2019 về việc hướng dẫn thực hiện quy định về hồ sơ sổ sách trong đào tạo theo Thông tư số 23/2018/TT - BLĐTBXH	x		
19			BS 2.2.02	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021	x		
20			BS 2.2.03	Quyết định thành lập và quy định hoạt động của Ban thanh tra đào tạo	x		
21			BS 2.2.04	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021	x		
22			BS 2.2.05	Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
23			BS 2.2.06	Biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách giáo viên năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
24			BS 2.2.07	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
25	2	3	BS 2.3.01	Báo cáo thanh kiểm tra công tác đào tạo từ năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
26			BS 2.3.02	Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021	x		
27			BS 2.3.03	Danh mục thiết bị, phương tiện dạy và học tại các phòng học chuyên môn	x		
28			BS 2.3.04	Thống kê các môn học/mô-đun chuyên môn sử dụng phần mềm chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học kèm hình ảnh	x		
29			BS 2.3.05	Văn bản số 572/CV - CĐCNHP ngày 22/12/2017 về việc Hướng dẫn áp dụng ứng dụng phần mềm Công nghệ thông tin vào dạy tích hợp và thực hành	x		
30	2	4	BS 2.4.01	Báo cáo kết quả hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên Phạm Minh Tuấn và Nguyễn Khắc Thành	x		
31	2	5	BS 2.5.01	Kế hoạch thi, bài thi, phiếu chấm năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021	x		
32			BS 2.5.02	Biên bản xét kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
33			BS 2.5.03	Thông báo công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
34			BS 2.5.04	Kế hoạch thi tốt nghiệp năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
35			BS 2.5.05	Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp các năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
36			BS 2.5.06	Biên bản họp hội đồng xét điều kiện thi và công nhận tốt nghiệp năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
37			BS 2.5.07	Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách sinh viên tốt nghiệp năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
38			BS 2.5.08	Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ năm 2018, 2019, 2020	x		
39			BS 2.5.09	Báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cấp phát, quản lý phôi bằng, chứng chỉ	x		
40			BS 2.5.10	Biên bản kiểm tra công tác cấp phát bằng, chứng chỉ năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
41	2	6	BS 2.6.01	Biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách + dự giờ giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021	x		
42			BS 2.6.02	Biên bản họp khoa hàng tháng;	x		
43			BS 2.6.03	Báo cáo của khoa Điện năm 2018, 2019, 2020	x		
44			BS 2.6.04	Biên bản giao ban Trường hàng tháng	x		
45			BS 2.6.05	Giấy khen giáo viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng tham gia hội giảng cấp trường năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
46	2	7	BS 2.7.01	Cam kết của 02 sinh viên tình nguyện được học cùng lớp cao đẳng Điện công nghiệp CĐĐ11B	x		
47			BS 2.7.02	Biên bản xét điều kiện học liên thông	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
48			BS 2.7.03	Quyết định trúng tuyển sinh viên học liên thông cao đẳng điện công nghiệp; Quyết định công nhận bảo lưu kết quả các môn học mô-đun đã học của chương trình trung cấp	x		
49			BS 2.7.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp Cao đẳng, Cao đẳng liên thông năm 2020	x		
50			BS 2.7.05	Báo cáo kết quả tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, báo cáo kết quả tốt nghiệp và giải quyết việc làm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo số lượng các khóa học trình độ cao đẳng, báo cáo đào tạo liên thông cao đẳng năm 2018, 2019, 2020	x		
51	3	1		Quyết định thành lập Khoa Điện	x		
52			BS 3.1.01	Kế hoạch giáo viên hàng năm	x		
53			BS 3.1.02	Hồ sơ quản lý viên chức	x		
54	3	2	BS 3.2.01	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trường cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
55			BS 3.2.02	Quy định về đánh giá, xếp loại tháng, năm đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
56			BS 3.2.03	Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, người lao động hàng tháng	x		
57	3	3	BS 3.3.01	Thời khóa biểu và Sổ lên lớp	x		
58	3	4	BS 3.4.01	Báo cáo kết quả Hội giảng cấp khoa và Đăng ký Danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp trường; Danh sách giáo viên Hội giảng cấp khoa	x		
59			BS 3.4.02	Các Quyết định công nhận danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
60	3	6	BS 3.6.01	Giấy giới thiệu nhà giáo đi thực tập doanh nghiệp	x		
61			BS 3.6.02	Báo cáo kết quả thực tập của nhà giáo đều có xác nhận doanh nghiệp	x		
62	3	7	BS 3.7.01	Quyết định thành lập khoa Điện	x		
63			BS 3.7.02	Quyết định bổ nhiệm trưởng, phó khoa Điện	x		
64	3	8		Quyết định số 132/QĐ-CĐCN ngày 03/4/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
65			BS 3.8.01	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
66	4	1	BS 4.1.01	Các kế hoạch xây dựng/ rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo	x		
67	4	4	BS 4.4.01	Kế hoạch giảng dạy năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020	x		
68	4	10	BS 4.10.01	Các kế hoạch biên soạn/lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019	x		
69			BS 4.10.02	Biên bản thẩm định giáo trình năm 2017, 2019	x		
70	5	1	BS 5.1.01	Hồ sơ hoàn công công trình xây dựng nhà thực hành 5 tầng	x		
71			BS 5.1.02	Kế hoạch đào tạo toàn trường hàng năm	x		
72			BS 5.1.03	Bảng thống kê số lượng HSSV hàng năm, Quyết định mở lớp	x		
73			BS 5.1.04	Bản vẽ hệ thống cấp, thoát nước toàn trường	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
74	5	2	BS 5.2.01	Bảng đối sánh danh mục thiết bị hiện có và danh mục thiết bị quy định tối thiểu	x		
75	5	3		Bảng đối sánh danh mục thiết bị hiện có và danh mục thiết bị quy định tối thiểu	x		
76			BS 5.4.01	Nội quy xưởng thực hành	x		
77			BS 5.4.02	Danh mục thiết bị dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
78			BS 5.4.03	Quyết định giao quản lý sử dụng tài sản thuộc chương trình mục tiêu giáo dục việc làm hàng năm đối với nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
79			BS 5.4.04	Bảng phân công giáo viên quản lý phòng thực hành năm 2017, 2018, 2019, 2020	x		
80			BS 5.4.05	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm	x		
81			BS 5.4.06	Quyết định số 25/QĐ-CĐCN ngày 22/01/2018 về việc ban hành Quy trì bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	x		
82			BS 5.4.07	Hồ sơ thanh toán bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị hàng năm	x		
83			BS 5.4.08	Biên bản xác định tình trạng kỹ thuật của tài sản	x		
84			BS 5.4.09	Hồ sơ kiểm kê tài sản và hồ sơ thanh lý tài sản hàng năm	x		
85	5	5	BS 5.5.01	Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018 ban hành Quy trình mua sắm, cấp phát vật tư phiêu	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
86			BS 5.5.02	Hồ sơ mua sắm vật tư phôi liệu phục vụ giảng dạy nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng	x		
87			BS 5.5.03	Biên bản giao nhận vật tư phôi liệu hàng năm	x		
88			BS 5.5.04	Kế hoạch đào tạo và Thời khóa biểu khoa Điện	x		
89	5	6	BS 5.6.01	Biên bản kiểm kê thư viện năm 2017, 2018, 2019	x		
90	5	7	BS 5.7.01	Hợp đồng cung ứng phần mềm quản lý thư viện	x		
91			BS 5.7.02	Biên bản kiểm kê thư viện năm 2017, 2018, 2019	x		
92		8	BS 5.8.01	Hồ sơ giáo án mô-đun/môn học của nhà giáo	x		
93	6	1	BS 6.1.01	Quyết định số 189/QĐ-CĐCN ngày 03/05/2017 v/v ban hành hướng dẫn việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
94			BS 6.1.02	Địa chỉ Website, Facebook nhà trường	x		
95			BS 6.1.03	Hình ảnh các vị trí đặt nội quy, thông báo của Trường	x		
96			BS 6.1.04	Kế hoạch thăm dò ý kiến về việc cung cấp thông tin cho người học hàng năm	x		
97	6	2	BS 6.2.01	Quyết định về việc thành lập Hội đồng xét miễn giảm học phí đối với HSSV hàng năm; Biên bản họp xét	x		
98			BS 6.2.02	Bảng thống kê Các chế độ thực hiện chính sách ưu đãi đối với HSSV trong nhà trường	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
99			BS 6.2.03	Danh sách HSSV được miễn giảm học phí năm học 2017-2018, năm học 2018-2019, năm học 2019-2020	x		
100			BS 6.2.04	Báo cáo tại hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm: 2018, 2019, 2020 của nhà trường	x		
101	6	3	BS 6.3.01	Hình ảnh chụp giao diện website của nhà trường có đăng thông tin tuyển dụng lao động, việc làm	x		
102			BS 6.3.02	Hình ảnh chụp bảng tin góc việc làm của Phòng Công tác sinh viên và các vị trí của nhà trường có treo các thông tin tuyển dụng	x		
103			BS 6.3.03	Các kế hoạch tư vấn việc làm; Hình ảnh chụp các buổi tư vấn việc làm tại Hội trường	x		
104			BS 6.3.04	Danh sách các công ty tham gia hội trợ việc làm hàng năm	x		
105			BS 6.3.05	Báo cáo kết quả tham gia hội trợ việc làm hàng năm	x		
106			BS 6.3.06	Báo cáo tổng kết năm của phòng Công tác HSSV	x		
107	6	4	BS 6.4.01	Phối cảnh tổng thể mặt bằng trường	x		
108			BS 6.4.02	Ảnh chụp khu sân chơi, bãi tập, khuôn viên của nhà trường	x		
109			BS 6.4.03	Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020.	x		
110	7	1	BS 7.1.01	Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020	x		
111			BS 7.1.02	Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020	x		

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
112			BS 7.1.03	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020	x		
113	7	2	BS 7.2.01	Danh sách và thông tin sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020	x		
114			BS 7.2.02	Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2017, 2018, 2019	x		
115			BS 7.2.03	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát lần vết tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020	x		
116	7	3	BS 7.3.01	Danh sách nhà giáo, CBQL tham gia khảo sát năm 2018, 2019, 2020	x		
117			BS 7.3.02	Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2017, 2018, 2019	x		
118			BS 7.3.03	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, CBQL năm 2018, 2019, 2020	x		
119	7	4	BS 7.4.01	Danh sách sinh viên tham gia khảo sát năm 2018, 2019, 2020	x		
120			BS 7.4.02	Danh sách sinh viên các lớp đang học năm 2018, 2019, 2020	x		
121			BS 7.4.03	Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2017, 2018, 2019	x		
122			BS 7.4.04	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2018, 2019 2020	x		

Phụ lục 2: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ NGOÀI
I. Thông tin về Cơ sở giáo dục nghề nghiệp/Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1	Tên Cơ sở giáo dục nghề nghiệp/Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp	Trường CD Công nghiệp Hải phòng
2	Cơ quan chủ quản	UBND thành phố Hải Phòng
3	Loại hình (công lập/tư thực)	Công lập
4	Địa chỉ trụ sở chính	Số 187, đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
5	Các phân hiệu/cơ sở đào tạo (nếu có)	Không
6	Năm thành lập	Năm thành lập đầu tiên: 1961
7	Năm được nâng cấp thành trường cao đẳng	Năm thành lập trường cao đẳng nghề: 2007

II. Thông tin về Chương trình đào tạo được đánh giá ngoài

1	Tên Chương trình đào tạo	Điện công nghiệp
2	Tên Khoa phụ trách/quản lý Chương trình đào tạo (thời điểm hiện tại)	Khoa Điện
3	Tháng, năm bắt đầu triển khai Chương trình đào tạo	Năm 2007
4	Địa chỉ các phân hiệu/cơ sở đào tạo có thực hiện Chương trình đào tạo	Tại trụ sở chính
5	Số lượng người học đang học tại trình độ của Chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	136
6	Số lượng nhà giáo đang giảng dạy Chương trình đào tạo	12

Phụ lục 3: Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Số: 107/QĐ-KĐGDVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ Quy định về kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty cổ phần kiểm định và tư vấn giáo dục Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 19/08/2019 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Mã số doanh nghiệp: 0315856517;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 01/GCN-LĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chứng nhận có đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kiểm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng (sau đây gọi là Đoàn đánh giá ngoài) tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng năm 2020. (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Đoàn đánh giá ngoài có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Đoàn đánh giá ngoài do Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam chi trả.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đoàn đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 5. Đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / ysh

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (báo cáo);
- Sở LĐ-TB&XH Hải Phòng (báo cáo);
- Giám đốc
- Như Điều 5;
- Lưu VT.





Danh sách

Thành viên Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo
nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số: 106/QĐ-KĐGDVN ngày 19 tháng 12 năm 2020 của
Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam)

1. Tên chương trình đào tạo được đánh giá ngoài: Điện công nghiệp – trình độ Cao đẳng; Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng;
2. Địa chỉ: 187 Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Hải Phòng;
3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
4. Thời gian khảo sát thực tế: 05 ngày, từ ngày 26 tháng 12 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020;
5. Danh sách thành viên Đoàn đánh giá ngoài:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Trách nhiệm trong Đoàn
1.	ThS. Trần Thị Thạch	Nguyên TP ĐT - GD TTDILX	Trường CĐ CN Quảng Nam	ThS. Công nghệ thông tin	Trưởng đoàn
2.	ThS. Nguyễn Việt Hải	PT Khoa Điện - Điện tử	Trường CĐN Phú Thọ	ThS. Kỹ thuật tự động hóa	Thư ký
3.	ThS. Vũ Văn Minh	TP CTHSSV	Trường CĐ Cơ điện XD Bắc Ninh	SPKTCN + ThS. SPKT	Thành viên

Danh sách bao gồm: 03 Thành viên